**BÀI 3 – LỜI SÔNG NÚI**

*Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất*

*Những buổi ngày xưa vọng nói về*

Nguyễn Đình Thi

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC**
2. **Kiến thức**

- Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm; lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến đánh giá chủ quan của người viết.

- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản.

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống.

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

- Đối với hs khuyết tật đọc các văn bản, nhận biết nội dung khái quát qua bài giảng.

- Lồng ghép nội dung GD QP&AN:

+ Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm .

+ Tác hại của tệ nạn xã hội tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội.

+ Trách nhiệm của học sinh tham gia phòng, chống bạo lực học đường*.*

**2. Năng lực**

- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**3. Phẩm chất**

Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, tivi, máy chiếu đa năng,...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**2. Học sinh**

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Đọc, Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

**C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tuần 7 Tiết 25, 26, 27 N**gày soạn: 14/10/2025Ngày bắt đầu dạy: 20/10/2025

Vương Thị Mai Phượng- 0919551593- THCS TT Nam Sách - Hải Dương.

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Thực hiện trò chơi: AI LÀ NHÀ THÔNG THÁI?**

**\*Bước 1:** GV nêu câu hỏi để khơi gợi HS chia sẻ hiểu biết qua hiểu biết của bản thân.

**Câu 1.** *Đố ai nêu lá quốc kì*

*Mê Linh đất cũ còn ghi muôn đời*

*Yếm, khăn đội đá vá trời*

*Giặc Tô mất vía rụng rời thoát thân*?

(Là ai?)

**Đáp án**: Hai Bà Trưng

**Câu 2.** *Đố ai gian khó chẳng lui*

*Chí Linh mấy lượt nếm mùi đắng cay*

*Mười năm Bình Định ra tay*

*Thành Đông Quan, mất vía bầy Vương Thông*?

(Là ai?)

**Đáp án:** Lê Lợi

**Câu 3**. *Đố ai cũng khách thoa quần*

*Đạp luồng sóng dữ đuổi quân giặc thù*

*Cửu Chân nức tiếng ngàn thu*

*Vì dân quyết phá ngục tù lầm than*?

(Là ai?)

**Đáp án**: Bà Triệu

**Câu 4.** *Đố ai giải phóng Thăng Long*

*Nửa đêm trừ tịch quyết lòng tiến binh*

*Đống Đa, sông Nhị vươn mình*

*Giặc Thanh vỡ mộng cường chinh tơi bời*?

(Là ai?)

**Đáp án**: Quang Trung

**Câu 5:** *Đố ai nổi sáng sông, rừng*

*Đã vui Hàm Tử lại mừng Chương Dương*

*Vân Đồn cướp sạch binh cường*

*Nội Bàng mai phục chặn đường giặc lui*?

(Là ai?)

**Đáp án**: Trần Hưng Đạo

**\*Bước 2:** HS theo dõi, trả lời.

**\* GV chốt, vào bài**

*Lịch sử chúng ta suốt hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước là những thước phim vô cùng sống động về quá trình cả dân tộc vùng lên chống giặc, bảo vệ nền độc lập chủ quyền qua từng thời kỳ. Hình ảnh những vị anh hùng - những con người sẵn sàng xả thân vì đất nước thời nào cũng có, họ đã trở thành biểu tượng, họ chính là lời sông núi hóa thân để làm sáng tươi sắc màu dân tộc. Chủ đề bài học số 3 -* ***Lời sông núi*** *sẽ giới thiệu cho chúng ta về một số giai đoạn lịch sử thông qua những trang văn để chúng ta có thêm niềm tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc cũng như thấy rõ trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng nước nhà ngày thêm giàu mạnh. Thể loại chính của bài 3 chính là nghị luận.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Giới thiệu bài học** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* (SGK/tr.57) và cho biết:  *1) Bài học “***Lời sông núi***” gồm những văn bản đọc nào?*  *2) Các VB đọc chủ yếu thuộc thể loại chính nào?*  *3) Tại sao* **Nam quốc sơn hà** là bài thơ *lại được xếp cùng với thể loại văn nghị luận?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học. | **\*Chủ đề bài học:** Tái hiện lại truyền thống yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đất nước của con người và dân tộc Việt Nam.  **\*Thể loại:** Văn nghị luận và thơ.  **\*VB đọc chính:** Văn nghị luận  - Văn bản 1: *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn).  - Văn bản 2: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh).  - Văn bản 3: *Nam quốc sơn hà.*  - Văn bản thực hành đọc: *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn).  =>Bài thơ **Nam quốc sơn hà** được xếp cùng với thể loại văn nghị luận vìbài thơ đó đưa ra những lý lẽ đanh thép để khẳng định nền độc lập chủ quyền của nước Nam. |

**2.2. Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Khám phá tri thức ngữ văn** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.9, đọc thầm phần *Tri thức ngữ văn* và trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong **Phiếu học tập 01.(Phụ lục)**  \*GV nêu câu hỏi: nêu khái niệm của các yếu tố  *- Lụận đề*  *- Luận điểm*  *- Lí lẽ*  *- Bằng chứng*  *- Mối quan hệ giữa 4 yếu tố trên*  \* Hs theo dõi, điền phiếu 01  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT 01, chia sẻ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV trình chiếu dự kiến sản phẩm **phiếu 01 (Phụ lục).**  - GV nhận xét và chốt kiến thức. | **1. Luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận.**  - **Luận đề** là vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề.  - Vị trí: **Luận đề** có thể được nêu rõ ở *nhan đề* ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản.  - **Nội dung:** **Luận đề** trong văn bản NLXH là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận.  - **Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bày có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.  **2. Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**  - Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.  - Mối liên hệ này có tính tầng bậc. Như đã nêu trên, văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ **luận đề** người viết triển khai thành các **luận điểm**. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục cần được làm rõ bằng các **lí lẽ** và mỗi **lí lẽ** cần được chứng minh bằng các **bằng chứng** cụ thể.  **(Sơ đồ 01- Phụ lục)** |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi qua trò chơi và làm việc cá nhân ở nhà để tự tìm hiểu các câu trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1) GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Hoa hồng tặng mẹ”**

**Bài tập 1: Chọn đáp án đúng**

**Câu 1:** *Những yếu tố cơ bản có trong văn bản nghị luận là:*

A. Luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.

B. Luận đề, luận điểm.

C. Luận đề, luận điểm, bằng chứng.

D. Luận đề, luận điểm, lí lẽ.

**Câu 2:** *Luận đề được hiểu là:*

A.Vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận.

B.Vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận. Đó là vấn đề có tính chất bao trùm xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề.

C. Đó là vấn đề có tính chất bao trùm xuyên suốt văn bản. Mối văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề.

D.Vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề.

**Câu 3:** *Luận điểm là:*

A. Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận.

B. Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Có thể có nhiều luận điểm trong 1 văn bản**.**

C. Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bày có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.

D. Qua luận điểm được trình bày có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.

**Câu 4:** *Yêu cầu về mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lý lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận:*

A. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có thể độc lập với nhau trong văn bản nghị luận.

B. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.

C. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố không cần có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận.

D. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng vừa có thể độc lập vừa có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

**Câu 5:** *Để làm sáng tỏ luận điểm, người ta thường sử dụng.*

A. Lý lẽ

B. Bằng chứng

C. Lý lẽ và bằng chứng

D. Luận đề và bằng chứng

**Đáp án:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1A** | **2B** | **3C** | **4B** | **5C** |

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân ở nhà

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Nhiệm vụ: Tìm một văn bản nghị luận đã học và vẽ thành sơ đồ tư duy theo mẫu **sơ đồ 01** trên.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học tri thức Ngữ văn

- Chuẩn bị bài mới

**PHỤ LỤC**

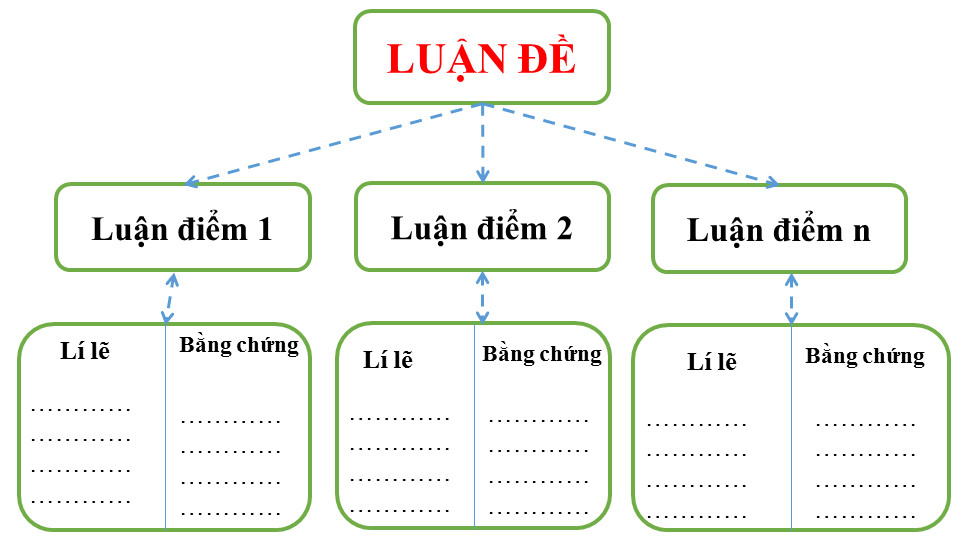
**Phiếu học tập 01.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tri thức Ngữ văn** | **Trả lời** |
| Lụận đề |  |
| Luận điểm |  |
| Lí lẽ |  |
| Bằng chứng |  |
| Mối quan hệ giữa 4 yếu tố trên |  |

**Dự kiến sản phẩm Phiếu học tập 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tri thức Ngữ văn** | **Trả lời** |
| *Lụận đề* | **Luận đề** là vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận. |
| *Luận điểm* | **Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. |
| *Lí lẽ* | **Lí lẽ** là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. |
| *Bằng chứng* | **Bằng chứng** là những ví dụ được lấy từ thực tế đới sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. |
| *Mối quan hệ giữa 4 yếu tố trên* | Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có **mối quan hệ chặt chẽ** với nhau trong văn bản nghị luận. |

**Sơ đồ 01- Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**



**VĂN BẢN 1: HỊCH TƯỚNG SĨ**

**- Trần Quốc Tuấn -**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Cảm nhận được lòng yêu nước sâu sắc của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.

 - Nắm được đặc điểm cơ bản của thể văn hịch và đặc sắc nghệ thuật của văn chính luận trong văn bản *Hịch tướng sĩ*.

- Đối với hs khuyết tật đọc văn bản, nắm được nét cơ bản về tác giả Trần Quốc Tuấn, cảm nhận được lòng yêu nước và tự hào dân tộc.

**2. Năng lực:**

- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

**-** Rèn cho HS có năng đọc, phân tích văn nghị luận. Năng lực cảm thụ văn bản nghị luận Trung đại.

- Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực.

**3. Phẩm chất**

HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục đích:**

- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những hiểu biết của mình, tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.

- Hợp tác khi làm việc.

**b. Nội dung:** Sử dụng hiểu biết để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Trình bày miệng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi *Mảnh ghép bí mật*.

- Sau mỗi mảnh ghép là một bức tranh, khi trả lời một câu hỏi thì mảnh ghép được lật mở. Nội dung câu hỏi chính là kiến thức mà các em đã được học.

- Gv nêu câu hỏi:

***Câu 1:*** *Hội đồng khoa học Hoàng gia Anh đã xét phong 10 vị tướng tài của thế giới được chọn từ 98 vị từ cổ đại đến hiện đại vào tháng 2.1984. Việt Nam vinh dự là nước có hai người con ưu tú, đó là những anh hùng dân tộc nào?*

***Đáp án:***Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn và Võ Nguyên Giáp

***Câu 2:*** *Điền từ còn thiếu vào dấu (…)*

*“Vó ngựa … đi đến đâu, cỏ không mọc được chỗ ấy”*

***Đáp án:*** *Mông Cổ*

***Câu 3:*** *Tên của một triều đại thịnh vượng, hào khí ngất trời của triều đại này vào thế kỉ XIII.*

***Đáp án:***Triều đại nhà Trần

***Câu 4:***  *Thể loại của văn bản có tên chữ Hán: “Dụ chư tì tướng hịch văn”*

***Đáp án:***Hịch

**\*GV dẫn vào bài:**

*Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt,  không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch tướng sĩ”.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1. Đọc - Khám phá chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, phương pháp hoạt động nhóm, dự án, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm**

Sản phẩm của HS và câu trả lời.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên nêu yêu cầu:  ***Nhóm 1****: Nêu những hiểu biết của em về tác giả Trần Quốc Tuấn?*  **Thực hiện đọc: GV hướng dẫn HS đọc văn bản**  **-** Đọc đúng chính tả, rõ ràng.  - Đọc diễn cảm, phù hợp với cảm xúc của tác giả đối với từng thời điểm.  ***Nhóm 2:*** *Em hiểu gì về văn bản?*  - Hoàn cảnh ra đời.  - Kiểu văn bản, nội dung nghị luận.  - Phương thức biểu đạt.  ***Nhóm 3:*** *Nêu những hiểu biết của em về thể loại “hịch”?*  ***Nhóm 4:*** *Văn bản này có bố cục mấy phần? Nêu cụ thể.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh: làm việc cá nhân, suy nghĩ.  + Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  => Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng. | **I. Đọc- khám phá chung**  **1. Tác giả**  - Trần Quốc Tuấn (1231? – 1300 )  - Tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng đời Trần có công lao lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.  **2. Văn bản**  **a. Đọc, từ khó**  **b. Hoàn cảnh sáng tác**: Khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai 1285.  - Văn bản được viết bằng chữ Hán.  **c. Kiểu văn bản và nội dung nghị luận.**  - Kiểu văn bản: Nghị luận về vấn đề xã hội.  - Vấn đề nghị luận**:** kêu gọi tướng sĩ học tập, rèn luyện  - Nhan đề: thể hiện vấn đề nghị luận.  **d. Thể loại:** hịch  - *Hịch* là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.  - *Mục đích* của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe 🡪 Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đanh thép.  e. **Bố cục:** 4 phần  **- Phần 1 -Từ đầu** … “*còn lưu tiếng tốt*”  (Nêu gương trung thần nghĩa sĩ)  **- Phần 2 - Tiếp** … “*vui lòng*” (Tình hình đất nước hiện tại và nỗi lòng của chủ tướng)  **- Phần 3 - Tiếp** … “*không muốn … được không ?”* (Phân tích phải trái, làm rõ đúng sai)  - **Phần 4 - Còn lại** (Nêu nhiệm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu). |

**Trước khi tìm hiểu chi tiết văn bản, GV cho HS diễn đoạn kịch**

**KỊCH**

**Chuẩn bị đạo cụ:** trang phục của diễn viên chủ tướng Trần Quốc Tuấn và khoảng 5 học sinh đóng vai tướng sĩ.

Chủ tướng Trần Quốc Tuấn cầm cuốn sách ở ngoài có dòng chữ Binh thư yếu lược.

Có ghế để chủ tướng ngồi và 5 tướng sĩ quỳ ở dưới chắp tay lên đầu.

**Chủ tướng:** Nay ta bảo thật các ngươi, tình hình đất nước đang nguy, kẻ thù ngang ngược khắp nơi, các người không thấy tức giận hay sao?

**Tướng sĩ**: Dạ bẩm, thuộc hạ đã biết lỗi, bây giờ muốn nghe lời chủ tướng chỉ giáo.

**Chủ tướng:** Các ngươi nên nhớ câu đặt mồi lửa vào dưới đống củi làm nguy cơ, kiềng canh nóng mà thổi rau nguội làm răn sợ. Phải luôn đề cao cảnh giác, đừng vì những ham muốn tầm thường nhạt nhẽo, bài bạc xa hoa hàng ngày mà đánh mất đất nước.

**Tướng sĩ**: Dạ chủ soái dạy bảo rất đúng!

**Chủ tướng:** Việc các người cần làm bây giờ là huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến ai cũng giỏi như Bàng Mông, Hậu Nghệ để có thể giết được Hốt Tất Liệt, làm rữa thịt Vân Nam Vương.

**Tướng sĩ**: Dạ dạ! Xin nghe theo lời chủ soái!

**Chủ tướng:** (Trần Quốc Tuấn tay cầm cuốn *binh thư yếu lược* lên): các ngươi về nhà hãy học cuốn này, đây là những binh pháp từ thời xưa ta đã tập hợp thành một cuốn. Chúng ta phải đánh thắng kẻ thù thì Thái ấp mới vững bền, bổng lộc đời đời hưởng thụ, gia quyến êm ấm, tổ tiên bình an. Lúc bấy giờ dẫu các người không muốn vui vẻ phỏng có được không?

**Tướng sĩ:** Dạ chủ soái dạy bảo rất đúng.

**Chủ tướng:** Nếu kẻ nào không nghe lời dạy bảo của ta, khinh bỏ cuốn sách này là kẻ thù của ta.

**2.2. Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB hịch.

- Nắm được bối cảnh lịch sử, lòng yêu nước của vị chủ tướng nhằm khích lệ tinh thần yêu nước của quân sĩ.

 - HS thấy được cách lập luận của tác giả về mối ân tình chủ tướng, phân tích đúng - sai, phải - trái.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *Nhiệm vụ 1 Bối cảnh lịch sử, mục đích và đối tượng thuyết phục của bài hịch*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động cá nhân**  *- Hãy nêu bối cảnh lịch sử,**mục đích và đối tượng thuyết phục của bài hịch?*  *- Vì sao Trần Quốc Tuấn lại viết bài hịch này?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - *Học sinh*: suy nghĩ, trả lời.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ HS  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  - Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  =>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  ***Nhiệm vụ 2*** *Luận điểm 1: Nêu gương các nhân vật trong sử sách.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động cặp đôi**  Giáo viên nêu yêu cầu thực hiện điền vào **Phiếu học tập 01 (Phụ lục) bằng cách trả lời câu hỏi sau:**  *1/ Tác giả nêu mấy tấm gương trung thần nghĩa sĩ xả thân vì nước nổi tiếng ở Trung Quốc?*  *2/ Những tấm gương này có điểm chung nào?*  *3/ Tác giả đã lập luận bằng lí lẽ như thế nào? Nêu tác dụng, mục đích của cách lập luận ấy?*  *4/ Mục đích của việc dẫn ra luận điểm trên là gì?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + *Học sinh*: suy nghĩ, trao đổi cặp đôi, trả lời.  + *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời.  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  => Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng. | **1. Bối cảnh lịch sử, mục đích và đối tượng thuyết phục của bài hịch**  **- Bối cảnh lịch sử:** nửa cuối thế kỉ XIII, giặc nguyên mông 3 lần xâm lược nước ta. Thế giặc mạnh, muốn đánh bại chúng cần có sự đồng tình ủng hộ củ toàn quân, toàn dân. Trần Quốc Tuấn đã viết bài hịch này để kêu gọi tướng sĩ hết lòng đánh giặc.  **\* Vai trò của Trần Quốc Tuấn đối với đất nước**  + Trần Quốc Tuấn là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc .  + Ông được vua Trần Nhân Tông cử làm tiết chế thống lĩnh các đạo quân ra trận. Ông có trọng trách lớn đối với đất nước nên ông đã viết bài hịch này.  **- Mục đích:** Khích lệ lòng yêu nước, quyết chiến quyết, chiến thắng kẻ thù xâm lược; đánh bại tư tưởng thờ ơ, xa lánh, bàng quan để sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu sinh tử.  **- Đối tượng:**  + Trực tiếp là các tướng sĩ dưới quyền quản lí của Trần Quốc Tuấn.  + Gián tiếp là toàn thể binh lính, người dân Việt Nam dưới triều đại nhà Trần.  **2. Cách thuyết phục tướng sĩ của tác giả qua bài hịch**  ***a. Luận điểm 1: Nêu gương các nhân vật trong sử sách.***  - **Bằng chứng:**  + **8 tấm gương:** Kỉ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Thân Khoái, Kính Đức, Cảo Khanh, Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang.  + Họ có điểm chung: không sợ hiểm nguy, sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng; trở thành gương sáng cho mọi người, mọi thời đại noi theo.  - Liệt kê những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách Trung Quốc.  **- Lí lẽ:**  + Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước đời nào không có.  + Giả sử các bậc đó…theo thói nữ nhi thường tình…thì cũng chết già nơi xó cửa.  - **Nghệ thuật lập luận:** bằng chứng tiêu biểu, toàn diện; lí lẽ sắc bén.  *=> Người bề tôi trung thành, hết lòng với vua/chủ của mình là việc làm đúng đắn được tôn vinh và ghi nhớ.*  - **Mục đích** đưa ra bằng chứng: khích lệ  lòng trung quân ái quốc, sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng, vì nước của các tướng sĩ đời Trần. 🡪 Từ những tấm gương đó, tác giả kêu gọi tướng sĩ nhà Trần  suy nghĩ về nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân đối với chủ tướng, cũng là đối với đất nước. |
| *Nhiệm vụ 3: Luận điểm 2 - Tình hình thực tế đất nước và thái độ, nỗi lòng của chủ tướng.*  **- Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  **Theo phiếu học tập 02, 03 (Phụ lục) cho luận điểm 2,3**  **Nhóm 1,2: thực hiện luận điểm 2**  **Nhóm 3,4: thực hiện luận điểm 3**  **Cụ thể:**  *1/ Tìm những chi tiết (bằng chứng và lí lẽ) cho thấy:*  *- Tội ác của giặc*  *- Nỗi lòng của Trần Quốc Tuấn đối với đất nước.*  *- Sự đối đãi của chủ tướng Trần Quốc Tuấn đối với quân sĩ.*  (Theo dõi đoạn “Huống chi ta cùng các ngươi...kém gì.”)  *- Những sai trái của tướng sĩ? (Phê phán cái sai của tướng sĩ*  Gv yêu cầu hs chú ý đoạn 4: *“Nay các ngươi nhìn chủ nhục.…có được không”?*  *+ Trần Quốc Tuấn đã đưa ra bằng chứng và lí lẽ gì để phê phán những hành động sai trái của tướng sĩ?*  *+ Những hành động sai trái của các tương sĩ sẽ dẫn đến hậu quả gì?*  *+ Thái độ khi ông đã phê phán những hành động đó như thế nào?)*  *2/ Nhận xét về nghệ thuật lập luận của đoạn văn trên? (câu văn, giọng điệu, phép tu từ)*  *3/ Qua đó, hãy nhận xét về mục đích nghị luận của tác giả?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh thảo luận nhóm lớn tại bàn.  + Giáo viên quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.  **Dự kiến sản phẩm cho ý: phê phán sai trái của tướng sĩ**  1/ - TQT đã phê phán những biểu hiện:   + Thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước (nhìn thấy chủ…).   + Hưởng lạc: ham thú vui tầm thường, nhỏ nhặt: chọi gà, cờ bạc.  2/- Hậu quả: Thái ấp, bổng lộc không còn, vợ con khốn cùng, tan nát…ô nhục, chủ và tướng, riêng và chung… tất cả đều đau xót biết chừng nào.  - Ông còn chỉ rõ thái độ bàng quan không chỉ là tội thờ ơ, nông cạn mà còn là vong ơn bội nghĩa trước mối ân tình chủ tướng. Sự ham chơi, hưởng lạc đâu chỉ là vấn đề nhân cách mà còn là sự vô trách nhiệm đến táng tận lương tâm khi vận mệnh đất nước đang ngàn cân treo sợi tóc.  3/Thái độ: Phê phán nghiêm khắc, nói thẳng, gần như sỉ mắng.  4/ NT:  - Sử dụng các kiểu câu: câu ghép (quan hệ điều kiện - kết quả, tăng tiến) câu cảm thán, nghi vấn.  - Sử dụng câu văn biền ngẫu cân đối, nhịp nhàng.  - Phép tu từ so sánh, điệp ngữ điệp ý tăng tiến, liệt kê.  - Giọng văn vừa là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, vừa là lời của người cùng cảnh ngộ   - Có khi tác giả dùng cách nói thẳng thắn gần như sỉ mắng: *“không biết lo”, “không biết thẹn” “không biết tức” “không biết căm”. Có khi tác giả dùng cách nói mỉa mai chế giễu “cựa gà trống… điếc tai”.* Điều đơn giản ấy trẻ con cũng biết được vậy mà các tướng lại hình như không biết…làm cho các tướng tức khí, muốn  mau chóng chứng minh tài năng, phẩm chất của mình bằng việc làm thực.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Học sinh dán sản phẩm lên bảng, GV định hướng các nhóm trả lời theo từng phần cụ thể.  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  + Các nhóm khác cùng lắng nghe.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  *Câu hỏi chốt:* **Em, hãy nhận xét mục đích nghị luận và mối quan hệ với các yếu tố trong bài nghị luận?**  Gv chuyển: *Nhận thức được phải trái, đúng sai là một việc cần thiết mà Trần Quốc Tuấn đã chỉ ra cho các tướng sĩ của mình nhưng thước đo cuối cùng cho tinh thần trách nhiệm đối với đất nước chính là hành động. Vậy Trần Quốc Tuấn đã hướng dẫn các binh sĩ phải hành động như thế nào trước sức mạnh và sự xảo quyệt của kẻ thù chúng ta sẽ bước sang tìm hiểu phần 3.*  ***Nhiệm vụ 4: Hành động nên làm và nhiệm vụ cấp bách***  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  Theo dõi tiếp đoạn: “*Nay ta bảo thật … không”.*  **Hoạt động cá nhân**  *1/ Cùng với việc phê phán những thái độ và hành động sai trái của tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã khuyên các tướng sĩ nên như thế nào ? Ông nêu lên nhiệm vụ cấp bách gì?*  *2/ Kết quả dự kiến của những hành động đúng đắn ấy?*  *3/ Nhận xét về nghệ thuật: giọng điệu, cách lập luận của đoạn văn?*  *4/ Tại sao Trần Quốc Tuấn lại nói nếu không nghe lời thì sẽ thành kẻ thù?*  *5/Việc Trần Quốc Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ, đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm có dụng ý gì?*  *6/ Tác giả có đạt được mục đích không?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh các nhóm làm việc nhóm  + Giáo viên quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đại diện nhóm trình bày sản phẩm trên bảng  + Giáo viên hướng dẫn, nghe HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + HS nhận xét bạn  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Đoạn cuối cùng**: Giọng điệu của lời văn vô cùng nghiêm khắc, rạch ròi, không còn khoan dung độ lượng nữa/ đoạn văn cuối cùng đã chứa hai hàm lượng thông tin cảnh báo cho các tướng sĩ biết: nước có thể vẫn giữ được nhưng khi giặc đã dẹp yên thì những tướng sĩ không biết nghe lời chắc chắn muôn đời sẽ thẹn với non sông đất nước. Thái độ dứt khoát này của chủ tướng và lời cảnh tỉnh giống như một thứ Quân lệnh có tác dụng tập hợp lực lượng trước hết về mặt tư tưởng, tinh thần để tướng sĩ trong quân nghìn người như một.  Câu hỏi chốt: *Qua đây, em hãy nhận xét**thái độ, tình cảm của tác giả Trần Quốc Tuấn?*  Chủ soái vừa là một người có tấm lòng yêu nước nồng nàn và là một chú soái biết nhìn xa trông rộng, có hiểu biết và thấu tình đạt lý.  **GV mở rộng***: Lịch sử đất nước chúng ta trải qua hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước, có rất nhiều giai đoạn lịch sử khó khăn và đã xuất hiện những vị anh hùng hết lòng vì dân tộc. Như Bà Trưng, bà Triệu, Trần Hưng Đạo,Lê lợi, Quang Trung… biết bao anh hùng yêu nước xả thân không tiếc…*  *GV liên hệ:* Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm .  **GV đặt câu hỏi, tích hợp giáo dục**  *Qua văn bản chúng ta thấy được tấm lòng vì nước, luôn lo lắng cho vận mệnh của đất nước của Trần Quốc Tuấn. Với bản thân em, được sống trong hòa bình không phải lo lắng về kẻ thù xâm lược em nhận thấy mình cần có trách nhiệm gì đối với đất nước ?*  HS phát biểu suy nghĩ về trách nhiệm đối với đất nước.  GV chốt: Mỗi chúng ta ai cũng có một trái tim nồng nàn yêu nước. Chúng ta may mắn được sống thăm thời bình hãy trân trọng những gì mà cha ông ta đã đánh đổi bằng xương máu. | **b/ *Luận điểm 2: Tình hình thực tế đất nước và thái độ của chủ tướng, tướng sĩ đối với tình hình đó***  ***\**** *Tình hình thực tế đất nước:*  **Bằng chứng:**  - “Sứ giặc đi lại nghênh ngang”  - “Sỉ mắng triều đình”  - “Bắt nạt tể phụ”  - Đòi ngọc lụa, thu bạc vàng.  **Lí lẽ:**  *- “Thật khác nào như đem thịt nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau?”*  **- Thái độ:** tức giận, căm thù  **- Nghệ thuật lập luận:** bằng chứng rõ ràng, cụ thể; lí lẽ bằng câu hỏi tu từ để khẳng định rằng nếu để hiện thực này diễn ra lâu dài thì vô cùng nguy hiểm.  **=>** Đối với đất nước ta: Kẻ thù vừa coi thường, khinh rẻ vừa tham lam vô độ. Tình thế đất nước nguy kịch.  ***\**** *Nỗi lòng chủ tướng đối với đất nước*  **- Bằng chứng:**  *+ Tới bữa quên ăn.*  *+ Nửa đêm vỗ gối.*  *+ Ruột đau như cắt.*  *+ Nước mắt đầm đìa.*  **- Nghệ thuật lập luận:**  + Câu văn biền ngẫu, nhịp điệu dồn dập.  + Ngôn ngữ ước lệ, giàu hình ảnh.  + Nhiều động từ mạnh chỉ trạng thái, hành động: quên ăn, vỗ gối, xẻ thịt, lột da, nuốt gan, uống máu, …  → Cực tả nỗi đau đớn, niềm uất hận, đối với kẻ thù cũng là biểu hiện của lòng yêu nước sâu nặng, vô cùng lo lắng cho vận mệnh đất nước.  **- Mục đích lập luận:** Cho các tướng sĩ thấy được tình cảm của chủ soái đối với đất nước, từ đó khơi dậy trong lòng họ trách nhiệm của mình.  *Luận điểm 3 – Ân tình của chủ tướng đối với tì tướng; phân tích phải trí đúng sai của các tì tướng*  *\*. Ân tình của chủ tướng đối với tì tướng*  **- Bằng chứng**:  + Không có mặc – cho áo  + Không có ăn – cho cơm  + Quan nhỏ - thăng chức  + Lương ít – cấp bổng  + Sống chết cùng nhau.  + Vui cười cùng nhau.  => Sự quan tâm chu đáo của chủ đối với các tướng. Chủ - tướng gắn bó như người thân. Có phúc cùng hưởng có họa cùng chịu.  - **Nghệ thuật lập luận:**  + Câu văn dài, nhiều ý, mối ý là 2 vế song hành.  + Điệp cấu trúc.  + Câu văn biền ngẫu.  + Nhịp văn nhịp nhàng, hài hòa.  **- Mục đích lập luận:** Gợi nhắc sự thân tình để tướng sĩ giác ngộ trách nhiệm cùng chủ lo cho đất nước.  *\*. Phê phán cái sai của tướng sĩ*  **- Bằng chứng:**   + Thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước (nhìn thấy chủ…).   + Hưởng lạc: ham thú vui tầm thường, nhỏ nhặt như chọi gà, cờ bạc, săn bắn, ham thích thích rượu ngon, mê tiếng hát…  🡪 *Quên hết danh dự, bổn phận, mất cảnh giác. Lối sống cầu an hưởng lạc.*  **- Lí lẽ:** Thái ấp, bổng lộc không còn, vợ con khốn cùng, tan nát…ô nhục, chủ và tướng, riêng và chung…tất cả đều đau xót biết chừng nào.  🡪 *Mất hết sinh lực, tâm trí đánh giặc. Nước mất nhà tan.*  **- Thái độ**: Phê phán nghiêm khắc, nói thẳng, gần như sỉ mắng.  **- Nghệ thuật:**  + Sử dụng các kiểu câu: câu ghép (quan hệ điều kiện - kết quả, tăng tiến) câu cảm thán, nghi vấn.  + Sử dụng câu văn biền ngẫu cân đối, nhịp nhàng.  + NT so sánh, điệp ngữ, điệp ý, tăng tiến, liệt kê.  + Giọng văn vừa là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, vừa là lời của người cùng cảnh ngộ.  => Cách nói có khi nghiêm khắc mang tính chất trách mắng, răn đe nhưng lại chân thành, tình cảm thống thiết.  **- Mục đích lập luận:** Nhắc nhở trách nhiệm các tướng sĩ hãy thoát khỏi những sai trái đã có và điều chỉnh lại thái độ, hành động của mình đối với vận mệnh đất nước, bởi đó cũng chính là vận mệnh của mình, gia đình mình.  \* **Mục đích nghị luận và mối quan hệ với các yếu tố trong bài nghị luận**.  ***- Lí lẽ, dẫn chứng làm rõ cho ý kiến:***  Để làm rõ mong muốn của mình (kêu gọi, khuyên răn tướng sĩ), Trần Quốc Tuấn đã dùng các lí lẽ sắc bén và bằng chứng rõ ràng: Từ bằng chứng xa xưa trong lịch sử Trung Quốc đến hiện thực đất nước lâm nguy, nỗi lòng đau xót của chủ tướng và thái độ chủ quan, lơ là của tướng sĩ trước nguy cơ mất nước để từ đó gióng lên hồi chuông thức tỉnh.  -> tác giả đã đạt được mục đích đề ra.  **d***/ Luận điểm 4 - Hành động nên làm và nhiệm vụ cấp bách*  **- Hành động nên làm:**  + Nêu cao tư tưởng cảnh giác.  + Tăng cường luyện tập giết giặc…  **- Nhiệm vụ cấp bách**: học tập binh thư yếu lược  **- Kết quả:=**  + Thái ấp vững bền, bổng lộc được hưởng thụ.  + Gia quyến êm ấm, vợ con bách niên giai lão.  + Tổ tiên được thờ cúng.  + Trăm năm sau còn lưu danh.  - **Nghệ thuật:**  + Câu nghi vấn (thêm từ *không*).  + Các từ khẳng định: Mãi mãi, đời đời.  + Lập luận sắc bén, rõ ràng.  - Dứt khoát, cương quyết, tâm tình.  - **Mục đích lập luận:** Kêu gọi tướng sĩ làm đúng bổn phận đối với chủ, đối với đất nước.  => Khẳng định lại mình bằng những việc làm thiết thực; vừa ân cần chỉ bảo (những việc nên làm)  =>Tất cả đều xuất phát từ mục đích quyết tâm chiến thắng kẻ thù xâm lược.  **3/ Thái độ, tình cảm của tác giả khi viết bài hịch**  - Với giọng điệu *nghiêm khắc,* ông đã *chỉ trích* thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm của các tướng sĩ trước hành vi ngỗ ngược của kẻ thù: thấy chủ nhục không biết lo, thấy nước nhục không biết thẹn…  - *Nhấn mạnh* những thú vui tầm thường, thấp hèn cá nhân của các tướng sĩ.  - *Quyết liệt* chỉ ra hậu quả của thói bàng quan.  - Bằng sự *mỉa mai,* Trần Quốc Tuấn chỉ ra cho tướng sĩ thấy thói ăn chơi ấy không đỡ nổi sức mạnh của kẻ thù.  - *Đau xót* trước sự tàn bạo của kẻ thù và *tức giận* trước sự vô tâm của tướng sĩ.  - *Tha thiết mong muốn* tướng sĩ thấu hiểu được nỗi lòng của mình, xúc động trước tấm lòng của ông, thấy được cái sai mà sửa đổi.  - *Kiên quyết, rạch ròi* với những người không nghe lời, không chịu học tập binh thư yếu lược.  *=> Trần Quốc Tuấn* là biểu tượng của lòng yêu nước nồng nàn, hun đúc sức mạnh của dân tộc, thể hiện cho ý chí quyết tâm tiêu diệt kẻ thù, là vị tướng kiệt xuất với tầm nhìn xa trông rộng, nhưng vô cùng gần gũi, chân tình. |

**2.3. Hướng dẫn tổng kết**

**a. Mục đích:** Nêu được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động cặp đôi**  **Nối cột Nghệ thuật -Nội dung cho phù hợp với nội dung và nghệ thuật của văn bản**  - GV yêu cầu:  1/ Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả?  2/ Từ đó hãy rút ra kinh nghiệm đọc hiểu một văn bản nghị luận?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nghệ thuật** |  | **Nội dung** | | Luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác. | - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. | | Văn bản nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược. | - Sử dụng phép lập luận linh hoạt, chặt chẽ | | Bộc lộ tấm lòng yêu nước của TQT | Khích lệ lòng quân hướng về đất nước |   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh làm việc nhóm.  + Giáo viên quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời.  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  *+* GVyêu cầu HS rút ta cách đọc hiểu một văn bản nghị luận:  *?Qua đọc hiểu văn bản hịch, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản nghị luận xã hội nói chung và văn bản nghị luân trung đại nói riêng*. | **III. Tổng kết**  **1/ Nghệ thuật**  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. - Luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác.  - Nghệ thuật lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ…) chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức; tập trung vào một hướng từ nhiều phương diện).  - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu.  - Sử dụng biện pháp cường điệu, ẩn dụ.  **2/ Nội dung**  - Nỗi lòng của vị chủ soái trước nguy cơ xâm lăng mà tướng sĩ lại không hề cảnh giác. Đó là tình yêu và tầm nhìn nghiêm khắc của Trần Quốc Tuấn trước vấn đề trọng đại của dân tộc*.*  - Văn bản nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.  **3. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận xã hội nói chung và văn bản nghị luân trung đại nói riêng**  - Tìm hiểu **bối cảnh lịch sử,** thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả liên quan đến bài học (Trả lời các câu hỏi: Viết làm gì? Đối tượng mà bài nghị luận hướng tới là ai? Người viết có vai trò, ảnh hưởng gì trong xã hội?)  - **Tìm và phân tích** được các yếu tố **luận đề, luận điểm, lí lẽ, ý kiến** đánh giá chủ quan và bằng chứng khách quan mà tác giả triển khai trong bài.  - Tìm hiểu biện pháp **nghệ thuật** đặc sắc được tác giả sử dụng để lầm nổi bật các vấn đề được trình bày trong bài nghị luận.  - Chú ý đến **yếu tố biểu cảm** được bộc lộ chủ yếu ngôn từ, giọng điệu lập luận thể hiện quan điểm, tình cảm, thái độ của tác giả trước vấn đề được đưa ra nhằm thuyết phục người nghe, người đọc làm theo.  - Cần rút ra cho mình **bài học** gì để vận dụng vào thực tiễn đời sống. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

**b) Nội dung:** Hoạt động cá nhân rồi làm vào vở bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***- Gv chuyển giao nhiệm vụ:***

Chúng ta sẽ thực hiện một trò chơi **truy tìm kho báu** bằng cách trả lời đúng những câu hỏi để tìm ra kho lương thực cho tướng lĩnh của Trần Quốc Tuấn.

1/ Người ta thường viết hịch khi nào?

**=> Khi đất nước có giặc ngoại xâm**

2/ Trần Quốc Tuấn sáng tác *Hịch tướng sĩ* khi nào?

**=> Trước khi quân Mông - Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (1285).**

3/ Cuốn sách Trần Quốc Tuấn nhắc đến yêu cầu tướng sĩ học tập có tên là:

**=> Binh thư yếu lược.**

4/ Phần đầu bài Hịch, Trần Quốc Tuấn đã sử dụng kế gì trong Binh pháp?

**=> Nêu gương khích tướng.**

5/ Dụng ý của tác giả thể hiện qua câu *"Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan”* là gì?

**=> Khẳng định mình và các tướng sĩ là những người cùng cảnh ngộ.**

6/ Thành ngữ nói về tình hình đất nước ta vào thời điểm Trần Quốc Tuấn viết bài hịch?

**=> Ngàn cân treo sợi tóc.**

7/ Đoạn văn nào thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?

**=> Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa …ta cũng vui lòng.**

8/ Trần Quốc Tuấn yêu cầu tướng sĩ phải thực hiện điều gì?

**=> Hành động đề cao bài học cảnh giác; Chăm chỉ huân luyện cho quân sĩ, tập dượt cung tên; Tích cực tìm hiểu cuốn sách *“Binh thư yếu lược".***

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học để áp dụng vào kiến thức.

**b) Nội dung:** Về nhà hoạt động cá nhân và thực hiện.

**c) Sản phẩm:** Bài sưu tầm của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Gv giao nhiệm vụ:

1/ *Em hãy sưu tầm tư liệu hoặc vẽ chân dung chủ soái Trần Quốc Tuấn*

*2/ Em có thể kể tên một số vị tướng giỏi mà em biết hay không?*

**3.** Từ đó hãy rút ra bài học cho bản thân khi viết một văn bản nghị luận?

Gợi ý: **Bài học về cách viết bài văn nghị luận một vấn đề xã hội:**

**- Lựa chọn vấn đề nghị luận** (lựa chọn đề tài): Chọn đề tài có ý nghĩa liên quan đến đời sống - vấn đề có tính thời sự và ý nghĩa.

- **Bố cục bài viết: Chặt chẽ** (Nêu vấn đề nghị luận-> Giải quyết vấn đề nghị luận bằng lí lẽ, dẫn chứng-> Kết thúc vấn đề (khẳng định, liên hệ mở rộng vấn đề).

**- Lí lẽ và bằng chứng**: Tiêu biểu, chính xác, toàn diện, sinh động thuyết phục.

**- Diễn đạt**: Sáng rõ, lời văn ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc.

- Dự kiến sản phẩm: bài sưu tầm, sản phẩm của Hs.

- GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

**\*VIẾT KẾT NỐI ĐỌC**

**Viết đoạn văn (khoảng 7- 9 câu) về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.**

Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

***- Về hình thức:*** Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liền mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ.Trong đoạn, phải **nêu về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.**

***- Về nội dung:*** Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến chủ đề.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ theo đúng yêu cầu các nhiệm vụ, sau đó chỉnh sửa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS lên trình bày.

-HS khác nhận xét, bổ sung, tự kiểm tra theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

Dân tộc Việt Nam chúng ta có rất nhiều truyền thống tốt đẹp, đáng tự hào. Một trong những truyền thống quý giá đó chính là lòng yêu nước của nhân dân ta. Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã thể hiện lòng yêu nước qua các cuộc đấu tranh chống quân xâm lược, giành lại độc lập, tự do. Khi đất nước hòa bình, lòng yêu nước lại được thể hiện trong hành trình xây dựng, phát triển một Việt Nam giàu mạnh. Mỗi người ai cũng có một cuộc sống riêng nhưng khi đất nước cần tất cả mọi người dân đều đồng lòng, chung sức. Khi tổ quốc được đặt lên hàng đầu thì một Việt Nam bé nhỏ trên bản đồ thế giới vẫn khiến cho các cường quốc năm châu phải khiếp sợ. Thế hệ trẻ hôm nay cần noi gương các thế hệ cha anh đi trước để trau dồi, rèn luyện, phát triển, phát huy lòng yêu nước vào công sự nghiệp học tập, xây dựng nước nhà**.**

**Bảng kiểm**

**Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 - 9 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn có một chủ đề: *truyền thống tốt đẹp của dân tộc.* |  |  |
| **3** | Các câu văn phân tích rõ ràng. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả. | **1 điểm**  - Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu.  - Trình bày cẩn thận.  Không có lỗi chính tả. | **2 điểm**  - Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu.  - Trình bày cẩn thận.  - Không có lỗi chính tả.  - Có sự sáng tạo. |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  - Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm.  - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn.  - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện. | **4 – 5 điểm**  - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn.  - Trả lời đúng trọng tâm.  - Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. | **6 điểm**  - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn.  - Trả lời đúng trọng tâm.  - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao.  - Có sự sáng tạo. |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  - Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ.  - Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động. | **1 điểm**  - Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát.  - Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động. | **2 điểm**  - Hoạt động gắn kết.  - Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động. |

**Hướng dẫn về nhà**

- Thực hiện những nhiệm vụ ở hoạt động vận dụng.

- Học bài cũ.

- Chuẩn bị nội dung cho bài mới tiếp theo.

**PHỤ LỤC BÀI ĐỌC VĂN BẢN 1**

**Phiếu học tập 01**

|  |  |
| --- | --- |
| *a. Luận điểm 1: Nêu gương các nhân vật trong sử sách.* | |
| *Bằng chứng* |  |
| *Lí lẽ* |  |
| *Nghệ thuật lập luận* |  |
| *Mục đích nghị luận* |  |

**Phiếu học tập 02**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Luận điểm b - Tình hình thực tế đất nước và thái độ, nỗi lòng của chủ tướng* | | |
| **Yếu tố** | *Tình hình đất nước* | *Nỗi lòng chủ tướng*  *đối với đất nước* |
| Bằng chứng |  |  |
| Lí lẽ |  |  |
| Nghệ thuật lập luận |  |  |
| Mục đích nghị luận |  |  |

**Phiếu học tập 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *c/ Luận điểm 3 – Ân tình của chủ tướng đối với tì tướng; phân tích phải trí đúng sai của các tì tướng* | | |
| **Yếu tố** | *Ân tình của chủ tướng đối với tì tướng* | *Phân tích phải trí đúng sai của các tì tướng* |
| Bằng chứng |  |  |
| Lí lẽ |  |  |
| Nghệ thuật lập luận |  |  |
| Mục đích nghị luận |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần 7**  **Tiết 28** | **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH VÀ ĐOẠN VĂN QUY NẠP** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Giúp HS

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

- Đối với hs khuyết tật, cần ghi chép bài, nắm được đoạn văn từ 2 câu trở lên.

**2. Năng lực**

- Biết cách triển khai đoạn văn diễn dịch và quy nạp.

- Có khả năng chuyển hóa đoạn văn diễn dịch thành đoạn văn quy nạp và ngược lại.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Củng cố thêm tình yêu đối với tiếng Việt và có ý thức sử dụng tiếng Việt trong sáng trong xây dựng đoạn văn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị:

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

2. Học liệu:

- Sưu tầm các đoạn văn diễn dịch, quy nạp.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Tổ chức hoạt động cặp đôi**

Nhiệm vụ: sử dụng phiếu học tập, tìm hiểu một số vấn đề về đoạn văn



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

(\*Gợi ý đáp án: tùy hiểu biết của HS, làm được phần K,W là được, phần L dành cuối tiết học)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS đại diện trình bày, nhận xét.

HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá;

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> GV dẫn vào bài: *Đoạn văn là đơn vị để tạo nên văn bản vì vậy biết cách xây dựng một đoạn văn đúng, khoa học, hấp dẫn sẽ là tiền đề để có một văn bản thu hút người đọc và đạt hiệu quả trong giao tiếp. Vậy có mấy kiểu đoạn văn và cách xây dựng các kiểu đoạn văn đó như thế nào thì tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a**. **Mục tiêu**: HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoàn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

- Biết cách triển khai đoạn văn diễn dịch và quy nạp.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn, nhóm để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoạt động nhóm.  Theo dõi 2 đoạn văn:  Đoạn văn 1:  (1) **Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.** (2) Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. (3) Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kỳ lịch sử.  (Đặng Thai Mai, *Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc).*  Đoạn văn 2:  (1) Đề cao sự khác biệt không phải là cổ động cho lối sống cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, chối bỏ mọi trách nhiệm. (2) Đề cao sự khác biệt không có nghĩa là chấp nhận những sự kỳ dị, quái đản, cốt làm cho cá nhân nổi bật giữa đám đông, xa lạ với văn hóa truyền thống của dân tộc. (3) Đề cao sự khác biệt cũng không đồng nghĩa với việc tán thành lối sống tự do, vô mục đích. **(4) Xét cho cùng chỉ sự khác biệt nào toát lên được giá trị của cá nhân và có ích cho cộng đồng thì mới thực sự có ý nghĩa đáng được đề cao.**  (Nhiều tác giả, *Để làm tốt bài thi môn Ngữ Văn kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia - phần nghị luận xã hội,* NXB Giáo dục Việt Nam, 2016).  *Hoàn thành phiếu học tập sau*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Đoạn văn 1 | Đoạn văn 2 | | *Câu chủ đề* |  |  | | *Nội dung câu chủ đề* |  |  | | *Vị trí câu chủ đề* |  |  | | *Các còn lại có nhiệm vụ gì trong đoạn?* |  |  |   *Từ đó em hãy rút ra về đặc điểm của đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp. Nếu chức năng của hai kiểu đoạn văn này.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  - GV hướng dẫn nếu cần.  *- Dự kiến sản phẩm*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Đoạn văn 1 | Đoạn văn 2 | | *Câu chủ đề* | *1* | *4* | | *Nội dung câu chủ đề* | Khẳng định 2 nét đặc sắc của tiếng Việt là đẹp và hay. | khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa đáng được đề cao | | *Vị trí câu chủ đề* | Đầu đoạn | Cuối đoạn | | *Các còn lại có nhiệm vụ gì trong đoạn?* | Các câu tiếp theo 2,3 nói cái đẹp và cái hay thể hiện cụ thể như thế nào của tiếng Việt. | Nêu những biểu hiện của sự khác biệt tầm thường, vô nghĩa (1,2,3) |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  Gv chốt: Chúng ta vừa tìm hiểu đặc điểm và chức năng của đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp. Để củng cố nội dung lý thuyết này cô mời các bạn thực hiện hoạt động luyện tập. | **I/ Nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp**  **1. Đặc điểm**   1. **Đoạn văn diễn dịch.**   - Câu chủ đề đặt ở đầu câu.  - Nêu nội dung chính cả đoạn.  - Các câu còn lại làm sáng tỏ câu chủ đề.   1. **Đoạn văn quy nạp**   - Câu chủ đề đặt ở cuối câu.  - Nêu nội dung chính cả đoạn.  - Các câu còn lại làm sáng tỏ câu chủ đề.  **2. Chức năng**  - Diễn dịch, quy nạp là hai kiểu tổ chức đoạn văn khác nhau nhưng đều đã vướng yêu cầu cơ bản của một đoạn văn: *thể hiện rõ chủ đề.* Do có câu chủ đề, việc tiếp nhận nội dung đoạn văn trở nên thuận lợi hơn dù câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn diễn dịch hay ở cuối đoạn quy nạp.  - Hai kiểu đoạn văn này đặc biệt phù hợp với văn bản nghị luận. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a**. **Mục tiêu**: HS thực hành nhận biết về các kiểu đoạn văn đã học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, nhóm để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Giáo viên tổ chức lớp thành bốn nhóm, tiến hành giải bài tập dưới dạng mật thư. Thời gian để giải mỗi bài tập là 5 phút. Các nhóm bốc thăm mật thư, hết 5 phút sẽ truyền qua mật thư đó cho nhóm khác cho đến khi mỗi nhóm đều giải đủ bốn mật thư thì trò chơi kết thúc. Sau đó mỗi nhóm sẽ trình bày một mật thư của mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm lớn.  - Hình thức: giải mật thư 1,2,3 tương đương 3 bài tập.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu của mật thư.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận xét, đánh giá**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Mật thư 01**  **Câu 1 (trang 64 sgk Ngữ văn 8 Tập 1)**: Tìm câu chủ đề trong các đoạn văn sau, từ đó, xác định kiểu đoạn văn (diễn dịch, quy nạp). Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn.  a. Ta thường nghe: Kỉ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!  (Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ*)  b. Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường. Cậu này là học sinh Trường THCS Lê Quý Đôn, bạn ấy thuộc Trường THCS Lương Thế Vinh, còn cô bé kia học ở Trường THCS Đặng Thai Mai,… tất cả đều được nhận ra nhờ bộ đồng phục mà họ mặc. Trong cuộc thi “nhóm bạn lí tưởng” ở huyện, “màu cờ sắc áo” không chỉ thể hiện ở tài trí của năm bạn trong đội hình thi đấu trên sân khấu, mà còn ở các nhóm cổ động viên tưng bừng, nổi bật trong bộ đồng phục của trường mình trên khán đài.  Dẫn theo Ngữ văn 6, tập hai (*Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr. 67)  **Trả lời:**  a. Câu chủ đề: *Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!*  => Đoạn văn quy nạp.  - Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Các câu đầu nêu những tấm gương về các bậc trung nghĩa. Từ đó câu chủ đề ở cuối đoạn văn mới có cơ sở để nhắc nhở binh sĩ về chân lí: những tấm gương trung nghĩa sẽ được sử sách lưu danh, từ đó gián tiếp khơi dậy ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi trong xã hội.  b. Câu chủ đề: *Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường.*  => Đoạn văn diễn dịch.  - Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, khẳng định đồng phục không chỉ đẹp mà còn tạo nên bản sắc của mỗi trường. Các câu sau nói rõ nét đặc sắc của mỗi trường thông qua bộ đồng phục. |
| M**ật thư 02**  **Câu 2 (trang 64 sgk Ngữ văn 8 Tập 1)**: Hãy sắp xếp các câu sau thành đoạn văn diễn dịch, sau đó sắp xếp lại thành đoạn văn quy nạp và cho biết dựa vào cơ sở nào, em sắp xếp như vậy.  (1) Một cô Tấm (trong truyện *“Tấm Cám”)* bao lần bị hại, cuối cùng vẫn được làm hoàng hậu, nhưng mụ dì ghẻ và Cám - những kẻ lắm mưu mô, tàn ác thì bị trừng phạt đích đáng.  2) Một Thạch Sanh (truyện *“Thạch Sanh”)* chất phác, thật bụng tin người, dẫu trải qua bao khổ nạn, oan khuất rồi đến lúc cũng cưới được công chúa và lên ngôi, còn Lý Thông lừa lọc, xảo trá thì trời đất không dung tha.  (3) Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo là ước mơ công bằng được nhân dân gửi gắm vào truyện cổ tích.  (4) Một người em (truyện *“Cây khế”)* thật thà, hiền lành, bị anh đối xử bất công, ai ngờ cuộc sống về sau lại giàu sang, hạnh phúc, trong khi người anh tham lam thì bỏ mạng giữa biển khơi.  **Trả lời:**  - Đoạn văn diễn dịch: (3) – (1) – (2) – (4)  - Đoạn văn quy nạp: (1) – (2) – (4) – (3)  - Cơ sở để sắp xếp: Câu (3) là câu nêu luận điểm, các câu (1), (2), (4) là câu dẫn chứng phục vụ cho việc chứng minh luận điểm ấy. |
| **Mật thư 03**  C**âu 3 (trang 65 sgk Ngữ văn 8 Tập 1)**: “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất” (I-li-a Ê-ren-bua). Hãy xem đây là câu chủ đề, từ đó, viết hai đoạn văn, một đoạn văn đặt câu chủ đề ở đầu đoạn (diễn dịch) và đoạn văn đặt câu chủ dề ở cuối đoạn (quy nạp).  **Trả lời:**  - Đoạn văn diễn dịch:  **Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.** Đó là tình yêu quê hương - nơi mình sinh ra và lớn lên. Đó là tình yêu lũy tre xanh đong đầy kỉ niệm tuổi thơ, yêu dòng sông dịu dàng trôi chảy, yêu cánh đồng thơm mùi gốc rạ mỗi khi vào mùa gặt, yêu biết bao dáng mẹ hao gầy, còng lưng trên đồng xa quanh năm suốt tháng, dãi nắng dầm mưa…Tình yêu ấy cứ đong đầy mỗi ngày cho đến lúc lớn khôn. Và gia đình là bến bờ bình an, tươi đẹp nhất của mỗi người cho dù đi bất cứ đâu. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Yêu gia đình, yêu mẹ cha, yêu những người anh em ruột rà…Đó là một tình yêu thiêng liêng và vĩnh cửu. Chỉ khi ta yêu những gì gần gũi nhất ta mới có thể bồi đắp nó lớn khôn hòa cùng vào tình yêu đất nước.  **- Đoạn văn quy nạp:**  Khi bạn sinh ra có lẽ gia đình là nơi xuất phát đầu tiên của tình yêu thương. Bạn lớn lên trong vòng tay cha mẹ, trong sự bao bọc của anh em, họ hàng, tình yêu ấy cứ tự nhiên phát triển cho đến khi bạn đi học. Bạn có tình yêu thầy cô, tình yêu bạn bè, yêu mái trường và rộng hơn nữa bạn sẽ yêu dòng sông, yêu những cánh đồng, yêu cảnh vật quê hương qua những trang thơ và những trải nghiệm của cuộc đời mình. Kỷ niệm tuổi thơ cùng hành trang đến trường luôn là những giai điệu đẹp bồi đắp thêm cho tình yêu nơi mảnh đất mình đã sinh ra và lớn lên. Có thể bạn yêu một buổi sớm mai có tiếng chim ca hay yêu con đường có hàng cây xanh mát, yêu người nông dân rạng ngời trong mùa gặt, yêu cả tiếng sáo diều vi vút buổi chiều xa…**Để từ đó ta hiểu ra một chân lý rằng lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.** |

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về đoạn văn để làm bài tập.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

\*GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện.

*1/ Em hãy điền phiếu học tập mục L sau khi đã được học xong bài.*



*2/ Về nhà hãy sưu tầm những đoạn văn được trình bày theo kiểu diễn dịch, quy nạp ở trong một số văn bản đã học và những văn bản em được đọc. Gạch chân dưới những câu chủ đề.*

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở.
* Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần 8**  **Tiết 29, 30** | **Văn bản:**  **TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**  *- Hồ Chí Minh -* |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Chỉ ra và phân tích được luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng thể hiện tinh thần yêu nước của dân tộc ta.

- Nhận biết văn bản nghị luận xã hội và biết cách đọc - hiểu văn bản nghị luận xã hội.

- Chọn, trình bày dẫn chứng trong tạo lập văn bản nghị luận chứng minh.

- Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

- Đối với hs khuyết tật đọc văn bản, nắm được hiểu biết về tác giả Hồ Chí Minh.

**2. Năng lực**

*-* Năng lực tự chủ và tự học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Phẩm chất**

Yêu nước, biết quý trọng, giữ gìn, phát huy truyền thống của đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh**: soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1**.**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho HS; tạo vấn đề vào chủ đề.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

Câu trả lời/ chia sẻ của học sinh bằng ngôn ngữ.

**d. Tổ chức hoạt động**

**\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên cho học sinh xem một đoạn video về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.

<https://youtu.be/Zp0H2AqsxC0> hoặc <https://youtu.be/QvUjriWPiHw>

- Giáo viên yêu cầu:

*?Cảm nghĩ của em về những hình ảnh, thông tin trong đoạn video?*

- Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe và suy nghĩ.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Học sinh: Suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Lắng nghe, nhận xét.

**\* Bước 3: Báo cáo kết quả**

Một số học sinh trình bày ý kiến của mình trước lớp.

**\*Bước 4: Đánh giá kết quả**

Giáo viên nhận xét, đánh giá.

**\*GV giới thiệu, dẫn dắt vào bài mới:**

Vì sao một đất nước đất không rộng, người không đông như đất nước ta mà luôn luôn chiến thắng tất cả mọi kẻ thù xâm lược, dù chúng mạnh đến đâu và từ đâu tới? Làm thế nào để cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tiến tới thắng lợi ? Đó là nhờ lòng yêu nước nồng nàn của dân tộc ta. Văn bản hôm nay chúng ta học sẽ tìm hiểu rõ hơn về lòng yêu nước của nhân dân ta.

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1. Đọc - Khám phá chung về văn bản**

**a) Mục tiêu:**

Học sinh nắm được những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như hoàn cảnh ra đời, thể loại, cách đọc, bố cục văn bản.

**b) Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, phương pháp hoạt động nhóm, dự án.

- HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c) Sản phẩm học tập:**

Những nét khái quát về tác giả và văn bản.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên nêu yêu cầu:  **Nhóm 1:**  *Nhắc lại những nét chính về tác gỉa Hồ Chí Minh.*  **Nhóm 2.** Đọc văn bản.  *?Chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào?*  - Học sinh tự nêu cách đọc, GV hướng dẫn đọc: Giọng mạch lạc, rõ ràng, dứt khoát nhưng vẫn thể hiện tình cảm ; lưu ý tới các động từ *lướt, nhấn, có;* các quan hệ từ tạo nên điệp cấu trúc *từ …đến* và các hình ảnh so sánh.  - Nhắc học sinh lưu ý những chú thích trong sách giáo khoa.  **Nhóm 3:** *Em biết gì về tác phẩm?*  + Xuất xứ.  + Thể loại.  + Phương thức biểu đạt.  + Bố cục.  **Nhóm 4:** *Nêu mục đích của văn bản.*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ.  + Giáo viên quan sát, hỗ trợ hs.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận xét, đánh giá**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  => Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **Nhấn mạnh**: Trong bản báo cáo, Bác nêu quan điểm yêu nước là truyền thống quý báu đáng tự hào của nhân dân ta được hình thành qua trường kì lịch sử và ngày càng được bồi đắp thêm. Hiểu rõ và phát huy truyền thống đó trong hoàn cảnh kháng chiến chống kẻ thù xâm lược là một việc hết sức quan trọng. | **I. Đọc – tìm hiểu chung về văn bản**  **1. Tác giả**  - Hồ Chí Minh (1890-1969).  - Quê ở làng Sen - Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ An.  - Là vị lãnh tụ thiên tài, một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc, một chiến sĩ cộng sản quốc tế, một danh nhân văn hóa thế giới.  **2. Văn bản**  **a. Đọc, chú thích**  **b. Xuất xứ**  - Bài văn trích trong "*Báo cáo chính trị*" của Chủ tịch HCM tại Đại hội lần thứ II, tháng 2/1951 của Đảng Lao động Việt Nam.  **c. Thể loại:** Nghị luận xã hội (chứng minh một vấn đề chính trị xã hội).  **d. Bố cục**  **Phần 1: (**Mở bài): Nêu ý kiến khái quát, khẳng định nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước và nêu lên giá trị của lòng yêu nước.  **Phần 2: (**Thân bài): Chứng minh vấn đề qua lí lẽ, dẫn chứng  **Phần 3:** (Kết bài): Nêu giá trị của lòng yêu nước và trách nhiệm của mỗi người dân.  **e. Mục đích của văn bản**  Mọi người nhận thức được yêu nước là truyền thống quý báu của dân tộc ta cần được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để xây dựng và bảo vệ đất nước. |

**2.2. Đọc - Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB nghị luận.

- Chỉ ra và phân tích được luận đề,các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng thể hiện tinh thần yêu nước của dân tộc ta.

 - Hs thấy được cách lập luận rất thuyết phục của tác giả về lòng yêu nước để từ đó bàn đến trách nhiệm của việc phải thực hành lòng yêu nước.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1,2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi vào phiếu:  PHT 01   |  |  | | --- | --- | | *Câu hỏi* | *Đáp án* | | *Đối tượngcủa văn bản viết là ai?* |  | | *Các luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm.* |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày theo phiếu học tập.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: phân tích cấu trúc văn bản nghị luận**   1. *Nêu vấn đề nghị luận.*   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.  - HS đọc đoạn 1.  **PHT 02**   |  |  | | --- | --- | | *1/ HCM trong cương vị Chủ tịch nước đã thay mặt toàn Đảng toàn dân ta, khẳng định một chân lí, đó là chân lí gì?* |  | | *2/ Lòng yêu nước của nhân dân ta được nhấn mạnh trên lĩnh vực nào? Vì sao* ? |  | | *3/ Em có nhận xét gì về cách viết câu văn của tác giả ?Tác dụng* |  |   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + *Học sinh*: suy nghĩ, trao đổi cặp đôi,trả lời.  + *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ HS  Bổ sung câu 2: *Lòng yêu nước của nhân dân ta được nhấn mạnh trên lĩnh vực đấu tranh chống quân xâm lược vì đặc điểm lịch sử của dân tộc ta luôn phải chống ngoại xâm nên cần đến lòng yêu nước*.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời.  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  => Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  Gv chuyển: Vậy tình yêu nước, truyền thống yêu nước của dân ta được thể hiện như thế nào trong lịch sử? Chúng ta cùng tìm hiểu phần 2, chứng minh, giải quyết vấn đề.  **Nhiệm vụ 3: Chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Hoạt động cá nhân.  + Trước khi cho các nhóm trình bày sản phẩm GV yêu cầu HS đọc đoạn 2,3.  *Hai đoạn này có nhiệm vụ gì ?*  - Chứng minh những biểu hiện của lòng yêu nước  GV: Để làm rõ lòng yêu nước, tác giả đã đưa ra những chứng cứ của lòng yêu nước trong hai thời kì: Lòng yêu nước trong quá khứ của LS DT và lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta.  Hoạt động nhóm theo phương pháp dự án  Nhóm 1,2: *đọc đoạn văn thứ hai và hoàn thiện phiếu học tập 03*  Nhóm 3,4: *đọc đoạn văn thứ 3 và hoàn thiện phiếu học tập 04.*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh thảo luận nhóm.  + Giáo viên quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.  Dự kiến sản phẩm:  PHT 03   |  |  | | --- | --- | | a. Luận điểm 1: Lòng yêu nước trong lịch sử thời quá khứ | | | *1/ Lòng yêu nước trong qúa khứ được xác nhận bằng những bằng chứng LS nào ?* | Những trang lịch sử vẻ vang của thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung… | | *2/Trước khi đưa ra bằng chứng, tác giả đã khẳng định điều gì ? Vì sao tác giả lại khẳng định như vậy ?* | Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các anh hùng dân tộc. Vì họ có công lớn. | | *3/Em có nhận xét gì về cách đưa bằng chứng của tác giả?* | Dẫn chứng tiêu biểu, được liệt kê theo trình tự thời gian lịch sử. |   Chuyển ý nhóm 2: Lịch sử dân tộc anh hùng mang truyền thống yêu nước từ ngàn xưa được nối tiếp theo dòng chảy của thời gian, của mạch nguồn sức sống dan tộc được biểu hiện bằng 1 câu chuyển ý, chuyển đoạn. Đó là câu nào? *(Chúng ta phải ghi nhớ công lao…).*  Nhóm 3,4  PHT 04   |  |  | | --- | --- | | b. Luận điểm 2: Lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta | | | *1/ Để chứng minh lòng yêu nước của đồng bào ta ngày nay, tác giả đã đưa ra những bằng chứng nào ?* | - Từ các cụ già ... đến các cháu...  -Từ những chiến sĩ..., đến những công chức...  -Từ những nam nữ công nhân..., cho đến những... | | *2/ Bằng chứng được trình bày theo kiểu câu có mô hình chung nào? Cấu trúc dẫn chứng ấy có quan hệ với nhau như thế nào?* | - Liệt kê dẫn chứng theo mô hình "từ... đến" vừa cụ thể, vừa toàn diện.  - Điệp cấu trúc | | *3/Em có nhận xét gì về cách đưa bằng chứng của tác giả?* | - Cách đưa bằng chứng chân thực, toàn diện, rộng rãi để làm sáng tỏ chủ đề đoạn văn: Lòng yêu nước của đồng bào ta trong kháng chiến chống TD Pháp. |   ***Gv liên hệ lồng ghép GD AN QP:*** *Giáo dục lòng yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm.*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện nhóm trình bày theo nhiệm vụ.  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **Câu hỏi bổ sung**  ? Qua việc tìm hiểu hai đoạn văn trên em hãy khái quát cách lập luận và nội dung nghị luận của tác giả?  Hs khái quát.  🡪Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **Phần kết thúc vấn đề**   * **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   PHT 05   |  |  | | --- | --- | | Câu hỏi | Đáp án | | *1/ Tác giả muốn người đọc nhận hức được điều gì và có hành động như thế nào?* |  | | *2/ Nhận thức đó có ý nghĩa như thế nào trong đời sống cộng đồng?* |  | | 3/ *Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ?* |  |   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh thảo luận nhóm.  + Giáo viên quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Đại diện nhóm trình bày theo nhiệm vụ  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  *+ Qua văn bản, em hãy nhận xét thái độ,tình cảm của tác giả?*  =>Kết thúc bài viết *Báo cáo chính trị* thì ai nấy đều hiểu và đều thầm hứa với Người sẽ vận dụng vào thực tế công tác của mình. Và chúng ta ngày nay, khi đọc văn bản này cũng hiểu rõ để suy ngẫm sâu thêm về tấm lòng, trí tuệ và tài năng của Bác, làm theo lời Bác dạy: Phát huy tinh thần yêu nước trong công việc cụ thể hằng ngày, trong việc học tập, lao động và ứng xử với mọi người.  Câu hỏi mở rộng: *Qua bài văn em hiểu thêm gì về Chủ tịch HCM ?*  - Chúng ta hiểu thêm và kính trọng tấm lòng của HCM đối với dân, với nước; hiểu thêm về tài năng và trí tuệ của Người trong văn chương. | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Đối tượng văn bản cần thuyết phục**  Toàn thể nhân dân Việt Nam và các kiều bào ta ở nước ngoài hướng về Tổ quốc.  **2. Các luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm**  - Bài viết có 4 luận điểm:  + Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Đó là một truyền thống quý báu của ta.  + Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.  + Đồng bào ta ngày nay rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước: lòng nồng nàn yêu nước.  + Bổn phận của chúng ta.  - Mối liên hệ giữa các luận điểm: Từng luận điểm đều có vị trí riêng nhưng lại liên kết chặt chẽ với nhau, hô ứng với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề “Tinh thần yêu nước là truyền thống quý báu của ta”. Trong đó luận điểm 1 là luận điểm chính, thâu tóm nội dung toàn bài: khẳng định lòng yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.  **3. Phân tích cấu trúc văn bản nghị luận**  **a. Nêu vấn đề nghị luận**  - **Vấn đề nghị luận**: Lòng yêu nước của nhân dân ta.  **- Câu văn thể hiện:** Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.  **- Cách triển khai vấn đề:** Trực tiếpnêu vấn đề nghị luận:  **- Nghệ thuật**:  + Kiểu câu dài, nhiều vế, trùng điệp.  + Hình ảnh ẩn dụ: làn sóng - sức mạnh tinh thần yêu nước.  + Động từ mạnh: kết thành, lướt, nhấn chìm => gợi tả sức mạnh to lớn vô tận của lòng yêu nước trong công cuộc chống ngoại xâm của nhân dân ta.  => Cách nêu luận điểm ngắn gọn, giản dị, mang tính thuyết phục cao khẳng định chân lí: Dân ta có 1 lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của ta.  **b. Giải quyết vấn đề**  **Chứng minh những biểu hiện lòng yêu nước của nhân dân ta**  a. Luận điểm 1: Lòng yêu nước trong lịch sử thời quá khứ  - Lí lẽ: Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại…vẻ vang.  *-* Dẫn chứng: *Thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung v.v..*  **-** Liệt kê các nhân vật lịch sử để chứng minh cho lời khẳng định ở phần mở bài, làm tăng sức hấp dẫn thuyết phục người đọc, người nghe.  🡪 Dẫn chứng tiêu biểu, được liệt kê theo trình tự thời gian LS.  => Ca ngợi những chiến công hiển hách trong lịch sử chống ngoại xâm của DT.  b. Luận điểm 2: Lòng yêu nước ngày nay của đồng bào ta:  *- Câu có luận điểm:* Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng vơi tổ tiên ta ngày trước.  *- Dẫn chứng:*  + Cụ già ... các cháu nhi đồng.  + Kiều bào ... đồng bào…  + Nhân dân miền ngược... miền xuôi.  🡪Ai cũng có một lòng yêu nước nồng nàn (yêu nước, ghét giặc).  **-** Trình tự sắp xếp dẫn chứng:  *+ Trình tự thời gian* (từ xưa đến nay)  + *Theo lứa tuổi* (từ cụ già đến các cháu nhi đồng, từ những phụ nữ đến các bà mẹ...)  +*Theo vùng miền* (từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bào trong nước đến kiều bào nước ngoài, từ tiền tuyến đến hậu phương...)  - Nghệ thuật: Liệt kê dẫn chứng theo mô hình "từ... đến" vừa cụ thể, vừa toàn diện.  **=>** Cảm phục, ngưỡng mộ lòng yêu nước của đồng bào ta trong cuộc kháng chiến chống TD Pháp.  \* **Mục đích và mối quan hệ giữa mục đích với các yếu tố trong bài nghị luận**.  ***- Lí lẽ, dẫn chứng làm rõ cho ý kiến:***  + Để làm rõ ý kiến của mình (lòng nồng nàn yêu nước của dân ta). Bác đã dùng các lí lẽ và chủ yếu là bằng chứng có trong lịch sử và hiện thực cuộc kháng chiến của dân tộc.  + Hệ thống dẫn chứng lí lẽ vô cùng sinh động, phong phú, toàn diện và đầy sức thuyết phục, không ai có thể bác bỏ được.  -> Bác đã đạt được mục đích đề ra.  \* Kết luận: Với nghệ thuật liệt kê trùng điệp, lí lẽ hùng hồn, dẫn chứng cụ thể, lập luận đanh thép tác giả đã chứng minh lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta cả trong quá khứ và hiện tại, nó ăn sâu vào tiềm thức mọi tầng lớp nhân dân, mọi công việc.  **c. Kết thúc vấn đề: Nhiệm vụ về nhận thức và hành động**  - Nhận thức được vấn đề:  *+ Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của qúy.*🡪Đề cao tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  *+ Lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng:*  ++ Có khi được trưng bày... nhìn thấy.  ++ Có khi được cất giấu kín đáo... không nhìn thấy.  **=>** Cả 2 đều đáng quí.  - Chuyển nhận thức thành hành động (nhiệm vụ).  - Phải động viên, tổ chức, khích lệ tiềm năng yêu nước của mọi người. (Phải ra sức giải thích, tuyên truyền...kháng chiến).  ***-*** *Nghệ thuật lập luận: Sử* dụng nghệ thuật so sánh để khẳng định đề cao tinh thần yêu nước của nhân dân ta, giúp mọi người nhận thức rõ lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng. Cuối cùng khẳng định nhiệm vụ của Đảng.  =>Đây là cách lập luận chặt chẽ, thuyết phục, dễ hiểu, dễ đi vào lòng người.  **4. Tình cảm, thái độ của tác giả**  Bác **tự hào** về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong lịch sử; **ca ngợi** những biểu hiện của lòng yêu nước của nhân dân ta trong thời điểm hiện tại; **kêu gọi** mọi người phát huy lòng yêu nước của dân tộc trong thời điểm hiện tại. |

**2.3. Tổng kết**

**a) Mục đích:** Nêu được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản?*  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  +  Đại diện nhóm trình bày theo nhiệm vụ.  + Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  + Gọi HS đọc ghi nhớ. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Xây dựng **luận điểm** ngắn gọn, súc tích, **lập luận** chặt chẽ, **dẫn chứng** toàn diện, tiêu biểu, cụ thể, chọn lọc theo các phương diện: lứa tuổi, nghề nghiệp, vùng miền,…  - Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu.  - Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc.  - Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc  - Sử dụng **từ ngữ** gợi hình ảnh ( làn sóng, lướt qua, nhấn chìm…) câu văn nghị luận hiệu quả ( câu có từ quan hệ từ… đến).  **2. Nội dung**  - Khẳng định dân ta có lòng yêu nước nồng nàn và làm sáng tỏ lòng yêu nước đó.  - Nêu lên trách nhiệm phải phát huy lòng yêu nước vào công việc kháng chiến. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố khắc sâu kiến thức liên quan đến văn bản.

**b. Nội dung:** Học sinh trả lời câu hỏi qua trò chơi “**Thỏ nhổ cà rốt”.**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Trò chơi “**Thỏ nhổ cà rốt”**

**Hãy giúp chú thỏ nhổ cà rốt bằng cách trả lời đúng câu hỏi.**

**Câu 1**. Bài văn tinh thần yêu nước của nhân dân ta được viết trong thời kỳ nào?

A. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

B. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

C. Thời kỳ đất nước ta xây dựng CNXH ở miền Bắc.

D. Những năm đầu thế kỷ XX.

**Câu 2.** Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta diễn ra vào thời gian nào?

A.1930 – 1945

B.1946 – 1954

C.1954 – 1975

D. 1965 – 1975

**Câu 3.** Tính "truyền thống" của lòng yêu nước được làm rõ trong văn bản bởi yếu tố nào?

A. Chứng minh theo thời gian xưa – nay.

B. Giải thích bằng lí lẽ.

C. Chứng minh bằng những biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước theo thời gian xưa – nay.

D. Chứng minh trong thời hòa bình.

**Câu 4.** Đoạn văn từ “Đồng bào ta ngày nay đến …lòng nồng nàn yêu nước” đã trình bày dẫn chứng bằng biện pháp nghệ thuật nào là chính?

A. Liệt kê, điệp ngữ. B. Nhân hoá, liệt kê.

C. Điệp ngữ. D. Hoán dụ, điệp ngữ.

**Câu 5.** Dòng nào phản ánh đúng nhất về văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” ?

A. Bố cục chặt chẽ, lập luận rành mạch.

B. Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, toàn diện.

C. Giọng văn giàu xúc cảm.

D. Văn bản nghị luận mẫu mực.

**Câu 6.** *Nội dung chính của văn bản được nêu ở vị trí nào?*

A. Tiêu đề của văn bản. C. Phần (1) của văn bản.

B. Phần (2) của văn bản. D. Phần (3) của văn bản.

**Câu 7.** Văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” có sức thuyết phục, làm người đọc xúc động bởi vì:

A. Thực tế lòng yêu nước nồng nàn của người Việt Nam được nói đến trong văn bản.

B. Do cách trình bày, lập luận thuyết phục của tác giả.

C. Bản thân Bác đã là tấm gương sáng của lòng yêu nước.

D. Cả ba ý trên.

**Câu 8.** *Ý nào* ***không*** *đúng khi nói về tư tưởng tình cảm của tác giả trong văn bản?*

A. Tự hào về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong lịch sử.

B. Ca ngợi những biểu hiện của lòng yêu nước của nhân dân ta trong thời điểm hiện tại.

C. Kêu gọi mọi người phát huy lòng yêu nước của dân tộc trong thời điểm hiện tạị.

D. Đồng cảm với những nỗi vất vả, khổ cực của nhân dân ta từ xưa đến nay.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời.

**Đáp án:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1B | 2B | 3C | 4A | 5D | 6C | 7D | 8D |

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

-  HS trả lời câu hỏi.

- Giáo viên hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

**b. Nội dung:**

Liên hệ với cuộc sống hiện tại chỉ ra một số biểu hiện thể hiện lòng yêu nước của nhân dân ta hiện nay.

**c. Sản phẩm hoạt động**: Phần trình bày miệng của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

**1/** *Liên hệ với cuộc sống hiện tại chỉ ra một số biểu hiện thể hiện lòng yêu nước của nhân dân ta hiện nay?*

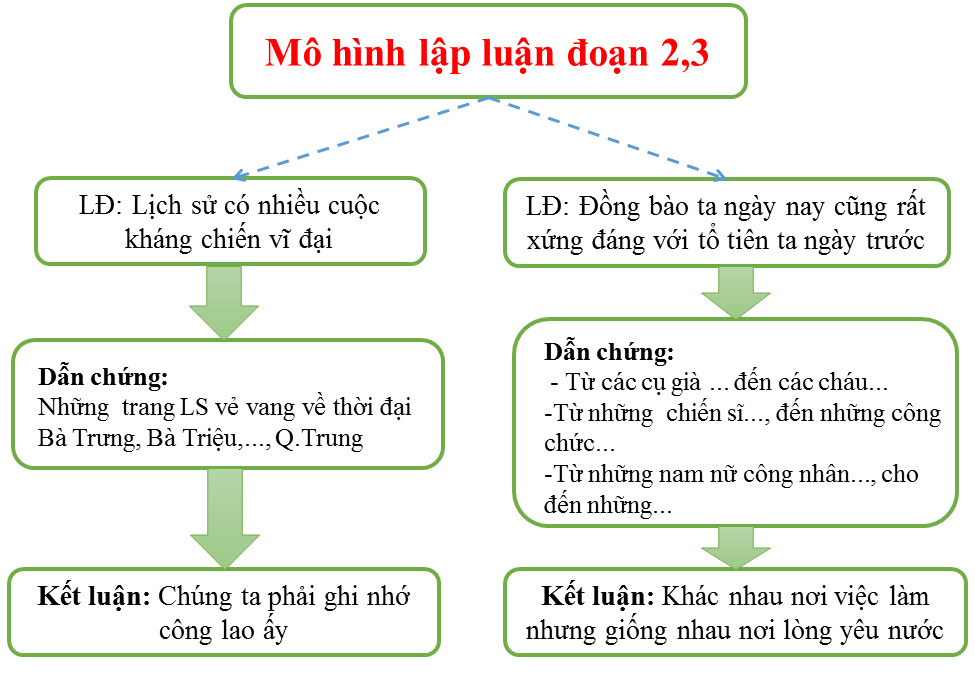
*2/ Vẽ sơ đồ tư duy cách lập luận của tác giả ở hai đoạn văn có 2 luận điểm chứng minh lòng yêu nước của nhân dân ta.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs tìm và nêu biểu hiện cụ thể.

*1. Một số biểu hiện của lòng yêu nước của nhân dân ta hiện nay: ra sức học tập, lao động, tham gia sản xuất, tham gia tích cực các hoạt động xã hội, lên án những thế lực chống phá nhà nước…*

**GỢI Ý:**



**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

- Gv bổ sung thêm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  -Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả.  - Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  - Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu.  - Trình bày cẩn thận.  - Không có lỗi chính tả. | **2 điểm**  - Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu.  - Trình bày cẩn thận.  - Không có lỗi chính tả.  - Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**   1. **điểm)** | **1 - 3 điểm**  **-** Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm.  - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn.  - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện. | **4 – 5 điểm**  - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn-  - Trả lời đúng trọng tâm-  - Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao- | **6 điểm**  - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn.  - Trả lời đúng trọng tâm.  - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao.  - Có sự sáng tạo. |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  - Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ.  - Vẫn còn trên 2 thành viên không. | **1 điểm**  - Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhấtt.  - Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động. | **2 điểm**  - Hoạt động gắn kết.  - Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động. |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Kể tên một số văn bản nghị luận xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Học sinh thực hiện ở nhà nộp kết quả vào tiết sau.

**===============================================**

**Tuần 9 Tiết 35 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**ĐOẠN VĂN SONG SONG VÀ ĐOẠN VĂN PHỐI HỢP**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Giúp HS:

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn **song song** và đoạn văn **phối hợp.**

- Biết cách triển khai đoạn văn **song song** và **phối hợp**.

- Đối với học sinh khuyết tật biết nhận biết một đoạn văn.

**2. Năng lực**

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Củng cố thêm tình yêu đối với tiếng Việt và có ý thức sử dụng tiếng Việt trong sáng trong xây dựng đoạn văn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**

Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

**2. Học liệu**

- Sưu tầm các đoạn văn **song song,** **phối hợp**

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Tổ chức trò chơi: Ong non học việc**

Câu 1: Em đã được học những kiểu đoạn văn nào?

Câu 2: Điểm khác biệt lớn nhất giữa đoạn văn diễn dịch và quy nạp là gì?

Câu 3: Thế nào là câu chủ đề?

Câu 4: Đoạn văn diễn dịch và quy nạp phù hợp cho kiểu văn bản gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.

**\*Gợi ý đáp án:**

**Câu 1:** Em đã được học: Đoạn văn diễn dịch và quy nạp.

**Câu 2:** Điểm khác biệt lớn nhất giữa đoạn văn diễn dịch và quy nạp: Với đoạn văn quy nạp câu chủ đề nằm ở cuối đoạn, với đoạn văn diễn dịch câu chủ đề nằm ở đầu đoạn.

**Câu 3**: Câu chủ đề là câu nêu khái quát nội dung của toàn đoạn văn.

**Câu 4:** Đoạn văn diễn dịch và quy nạp phù hợp với kiểu văn nghị luận.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS đại diện trình bày, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

**-> GV dẫn vào bài:** *Như vậy là chúng ta đã giúp những chú ong non hoàn thành nhiệm vụ của mình, chúc mừng các em. Để xây dựng một văn bản thì cần sự kết hợp giữa nhiều đoạn văn. Và việc xây dựng đoạn văn cũng có nhiều cách. Ở tiết học thực hành Tiếng Việt trước chúng ta đã tìm hiểu đặc điểm và chức năng của kiểu đoạn văn diễn dịch và quy nạp. Tiết học hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu hai kiểu đoạn văn là song song và phối hợp. Các em mở sách giáo khoa chúng ta học bài mới.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và phối hợp.

- Biết cách triển khai đoạn văn song song và phối hợp.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn, nhóm để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm. Theo dõi 2 đoạn văn và hoàn thành phiếu học tập 01,02.  **Đoạn văn 1:**  (1) Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc, lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. (2) Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. (3) Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội.  (Trích *Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em).*  **Đoạn văn 2**  **(1) Bị cười, không phải là mọi người đều phản ứng giống nhau.** (2) Có người tỏ thái độ mặc kệ, bất cần, ai cười người ấy nghe. (3) Có người nhân bị thiên hạ cười mà nghiêm túc soi xét bản thân, lặng lẽ sửa mình. (4) Nhưng cũng có những người bị tiếng cười của đám đông nhằm tới, do thiếu bản lĩnh, nên hoảng hốt, lo âu và tưởng rằng khiếm khuyết của mình là rất nghiêm trọng. (5) Rơi vào bế tắc, họ tìm lối thoát trong hành vi tiêu cực. **(6) Như vậy sự cười nhạo chẳng phải đã vô tình làm hại người ta đó sao?**  (Minh Đăng, *Tiếng cười không muốn nghe*).  *Hoàn thành phiếu học tập 01*   |  |  | | --- | --- | | Đoạn văn 1 |  | | *Đoạn văn có câu chủ đề không?* |  | | *Các câu có nhiệm vụ gì trong đoạn?* |  |   *Phiếu học tập 02*   |  |  | | --- | --- | | Đoạn văn 2 |  | | *Đoạn văn có câu chủ đề không?* |  | | *Các câu có nhiệm vụ gì trong đoạn?* |  |   *Từ đó, em hãy rút ra về đặc điểm của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp. Nêu chức năng của hai kiểu đoạn văn này.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  - GV hướng dẫn nếu cần.  - Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | |  | Đoạn văn 1 | | *Đoạn văn có câu chủ đề không?* | *Không có câu chủ đề* | | *Các câu có nhiệm vụ gì trong đoạn?* | *Mỗi câu đều nêu một điều cần làm để đáp ứng quyền lợi của trẻ em* |   *Đoạn văn 2*   |  |  | | --- | --- | |  | Đoạn văn 2 | | *Đoạn văn có câu chủ đề không?* | *Có câu 1 và câu 6* | | *Các câu có nhiệm vụ gì trong đoạn?* | *- Câu (1) nêu chủ đề của đoạn: mọi người sẽ có phản ứng khác nhau khi bị chê cười, câu (6) khái quát tác hại của sự cười nhạo đối với con người.*  *- Bốn câu giữa nêu các kiểu phản ứng cụ thể khi bị chê cười.* |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trình bày, nhận xét.  - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  Gv chuyển: Chúng ta vừa tìm hiểu đặc điểm và chức năng của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp. Để củng cố nội dung lý thuyết này cô mời các bạn thực hiện hoạt động luyện tập. | **I/ Nhận biết đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn song song và phối hợp**  **1. Đặc điểm**  **a. Đoạn văn song song. (sgk tr.68)**  - Mỗi câu đều nêu một điều cần làm để đáp ứng quyền lợi của trẻ em, tất cả *các câu đều thể hiện một chủ đề:* trách nhiệm đối với trẻ em.  => Không có câu chủ đề. Các câu đều nêu nội dung chính cả đoạn.  **b. Đoạn văn phối hợp (sgk tr.68)**  **-** **Câu (1)** nêu chủ đề của đoạn: mọi người sẽ có phản ứng khác nhau khi bị chê cười, **câu (6)** khái quát tác hại của sự cười nhạo đối với con người.  - **Bốn câu giữa** nêu các kiểu phản ứng cụ thể khi bị chê cười.  => Câu chủ đề đặt ở đầu và cuối câu. Các câu còn lại làm sáng tỏ câu chủ đề.  **2. Chức năng**  - **Đoạn văn song song**  **+** Tuy không có câu chủ đề nhưng nội dung của cả đoạn vẫn thống nhất.  + Kiểu đoạn văn song song rất phù hợp với việc trình bày các thông tin khách quan, không hàm chứa sự đánh giá chủ quan của người viết.  + Kết luận thế nào là do người đọc tự suy nghĩ và rút ra.  - **Đoạn văn phối hợp**  **+** Có cấu trúc chặt chẽ theo kiểu tổng hợp - phân tích - tổng hợp.  + Câu đầu và câu cuối đoạn đều là câu chủ đề.  + Kiểu đoạn văn này rất phù hợp với việc khẳng định chắc chắn điều mà người viết cho là chân lý. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a**. **Mục tiêu**: HS thực hành nhận biết hai kiểu đoạn văn vừa học, xác định được câu chủ đề.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, nhóm để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Giáo viên tổ chức lớp thành bốn nhóm, tiến hành giải bài tập dưới dạng mật thư. Thời gian để giải mỗi bài tập là 5 phút. Các nhóm bốc thăm mật thư, hết 5 phút sẽ truyền qua mật thư đó cho nhóm khác cho đến khi mỗi nhóm đều giải đủ bốn mật thư thì trò chơi kết thúc. Sau đó mỗi nhóm sẽ trình bày một mật thư của mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm lớn.  - Hình thức: Hoạt động nhóm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu của bài tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trình bày, nhận xét.  - HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Câu 1 (trang 68, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**  Xác định kiểu đoạn văn của những trường hợp sau. Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn.  a. *Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là “Binh thư yếu lược”. Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.*  (Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ)*  b. *Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ,... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.*  (Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*)  **Đáp án:**  a. **Đoạn văn song song,** tất cả các câu cùng thể hiện chủ đề chung là làm theo “*Binh thư yếu lược*”.  => Tác dụng: trình bày thông tin khách quan, để cho người đọc tự rút ra kết luận.  b. **Đoạn văn phối hợp** có câu đầu nêu lên chủ đề là đồng bào ta ngày nay cũng xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Các câu tiếp theo đưa ra dẫn chứng và biểu hiện cụ thể. Câu cuối đoạn khái quát lại lòng nồng nàn yêu nước của dân tộc Việt Nam.  => Tác dụng: khẳng định lòng nồng nàn yêu nước của dân ta. |
| **Câu 2 (trang 68, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**  Đoạn văn sau được tổ chức theo kiểu nào? Chủ đề của đoạn văn là gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?  *Không gian yên tĩnh bỗng bừng lên những âm thanh của dàn hoà tấu, bởi bốn nhạc khúc lưu thuỷ, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.*  (Hà Ánh Minh, *Ca Huế trên sông Hương*)  **Đáp án:** Đoạn văn được tổ chức theo kiểu **đoạn văn song song.** Chủ đề đoạn văn là hình thức biểu diễn ca Huế. Dựa vào những câu văn đều lần lượt nêu ra các dẫn chứng về: nhạc công, khúc nhạc, tiếng đàn của ca Huế. |
| **Câu 3 (trang 69, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**  Hãy viết một đoạn văn song song và một đoạn văn phối hợp (mỗi đoạn khoảng 7 – 9 câu) theo chủ đề tự chọn.  **Đáp án:**  - ***Đoạn văn phối hợp***  **Trong thực tế cuộc sống, đã có rất nhiều tấm gương sáng mà nhờ có ý chí nghị lực và niềm tin vào cuộc sống mà họ đã thành công**. Tiêu biểu đó là tấm gương của anh Nguyễn Ngọc Ký, mặc dù bị liệt cả hai tay nhưng điều đó không có nghĩa là anh chấp nhận đầu hàng số phận. Anh vẫn thích đi học và tập viết bằng chân. Điều này tưởng như không tưởng nhưng lại trở thành hiện thực với anh. Hay như Hàn Mặc Tử, mặc dù bị bệnh tật giày vò nhưng thi sĩ vẫn đem hết sức mình hiến dâng cho sự nghiệp văn thơ nước nhà những tác phẩm tuyệt tác. Vươn ra khỏi Việt Nam, chúng ta đến nước Úc với tấm gương sáng ngời về nghị lực sống, đó chính là Nick Vuijicic. Đó là một số phận bất hạnh khi anh sinh ra đã không có tay, không có chân. Anh đã từng rất tuyệt vọng với số phận nghiệt ngã của mình nhưng rồi với nghị lực và niềm tin vào cuộc sống vô bờ bến, anh đã cho mọi người thấy sự thành công bằng chính khả năng của mình. Năm 1990, anh vinh dự được nhận giải thưởng “Công dân trẻ nước Úc” cho những nỗ lực của mình. **Đây chính là những tấm gương sáng về nghị lực để cho chúng ta học tập và noi theo.**  - ***Đoạn văn song song***  Để xử lý vấn đề nghiện internet của giới trẻ, chính phủ Hàn Quốc đã xây dựng một mạng lưới 140 trung tâm tư vấn về nghiện Internet, cùng với các chương trình điều trị ở gần 100 bệnh viện và gần đây nhất là trại "Giải thoát khỏi Internet" - mới được mở hồi hè năm nay. "Trại giải thoát" ở Hàn Quốc nằm tại một vùng rừng ở phía Nam Seoul, là nơi để điều trị những ca nghiêm trọng nhất. Năm nay, trại đã tổ chức hai kỳ điều trị đầu tiên, mỗi kỳ kéo dài 12 ngày, mỗi lần có 16-18 học viên nam. "Trại" này được chính phủ tài trợ hoàn toàn, tức là ai cũng được điều trị miễn phí. Rồi tháng 9 vừa rồi, Hàn Quốc cũng tổ chức hội thảo quốc tế đầu tiên về chứng nghiện Internet. |

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về đoạn văn để thực hiện nhiệm vụ dẫn chứng giao.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

\*GV chiếu bài tập, yêu cầu HS thực hiện.

*Về nhà hãy sưu tầm những đoạn văn được trình bày theo kiểu song song và phối hợp ở trong một số văn bản đã học và những văn bản em được đọc.*

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở;
* Soạn bài: Nam quốc sơn hà

**=========================================**

**Tuần 9 Tiết 36 VĂN BẢN: SÔNG NÚI NƯỚC NAM**

**(**Lý Thường Kiệt.? )

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Đọc – hiểu và phân tích thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật chữ Hán qua bản dịch tiếng Việt.

- Hiểu được những lí lẽ của tác giả đưa ra để khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền trước kẻ thù xâm lược.

- Đối với học sinh khuyết tật đọc bài thơ, nhận biết về thể loại.

**2 Năng lực**

- Thu thập và xử lí thông tin, quản lí thời gian, kĩ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,…

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cư­ờng của cha ông.

- Giáo dục HS ý thức dân tộc và lòng yêu tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...

+ Học liệu: Tranh, ảnh...

+ Phiếu học tập.

**2. Học sinh**

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn

**Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Giao nhiệm vụ**

**Trò chơi: Mảnh ghép bí mật.**

**Câu 1:** Đất nước ta trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước?

- Hơn 4000 năm.

**Câu 2**: Kể tên các thời kì, các anh hùng dân tộc dựng nước và giữ nước?

**Đáp án:** Thời Bà Trưng, Bà Triệu, Lí Thường Kiệt…( thời Lí)

**Câu 3:** Theo tương truyền, Lí Thường Kiệt khi chỉ huy trận đánh quân Tống (1077) đã làm bài thơ nào?

**Đáp án:** Nam Quốc Sơn Hà.

**Câu 4:** Kẻ thù đô hộ nước ta gần 1000 năm là?

**Đáp án:** Phương Bắc (Trung Quốc).

Mảnh ghép bí mật là hình ảnh chiến thắng quân Tống trên sông Như Nguyệt.



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cảm xúc, hiểu biết của mình.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS chia sẻ, trình bày cởi mở, thân thiện những suy nghĩ.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV giới thiệu bài học và cho hs xem đoạn video về chiến thắng quân tống trên sông Như Nguyệt. (link: https://youtu.be/oOSxg8NmHFg).

*Chiến thắng quân Tống trên sông Như Nguyệt là một trong những chiến thắng có bước ngoặt lịch sử, đánh dấu một giai đoạn độc lập của dân tộc ta khi đánh tan quân xâm lược phương Bắc. Sau chiến thắng, trong không khí hào hùng, có một bài thơ được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc chúng ta đã vang lên nhằm khẳng định chủ quyền lãnh thổ cũng như bày tỏ lòng quyết tâm đối với kẻ thù xâm lược rằng: dân tộc Việt Nam sẽ kiên quyết giữ vững nền độc lập này, bất cứ một kẻ thù nào có ý đồ xâm lược đều phải trả giá. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nội dung của* ***Bản tuyên ngôn độc lập lần thứ*** *nhất này.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1. Đọc - Khám phá chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, đề tài

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, phương pháp hoạt động nhóm, dự án.

- HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm**

Sản phẩm của HS và câu trả lời.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1:** *Thực hiện dự án ở nhà để trình bày hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm.*  **Nhiệm vụ 2:** *GV hướng dẫn đọc.*  - Giọng chậm rãi, chắc, hào hùng, đanh thép, hứng khởi.  - Gv đọc phiên âm - dịch nghĩa - dịch thơ.  Nhiệm vụ 3: *nêu đề tài của văn bản*  (? Bài thơ được coi là bản tuyên ngôn độc lập, vậy em hiểu tuyên ngôn độc lập là gì?)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs về nhà chuẩn bị theo nhóm đã được phân công.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Hs báo cáo dựa trên sản phẩm đã chuẩn bị.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **Gv bổ sung:**  - Bài thơ từng được coi là **bài thơ thần** (do thần sáng tác) - Thần linh hóa tác phẩm văn học nhằm nâng ý nghĩa thiêng liêng của nó. Nó được coi là *bản tuyên ngôn độc lập* đầu tiên của nước ta  **- Thơ trung đại VN:**  + Viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm.  + Có nhiều thể: Thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú.  - “ *Nam Quốc Sơn Hà* “ - nguyên văn bài thơ chữ Hán.  ***- Xuất xứ:*** Là bài thơ tương truyền Lí Thường Kiệt đã đọc để cổ vũ tướng sĩ khi chống Tống ở sông Như Nguyệt năm 1077.  **- *Thể loại:*** Bài thơ viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt:  Toàn bài có 4 câu.  Mỗi câu có 7 chữ.  Vần “*ư* “ hiệp ở chữ cuối của câu 1-2- 4. | **I. Đọc - Khám phá chung về văn bản**  **1. Tác giả**  - Chưa rõ ràng.  - Có tài liệu ghi là : Lý Thường Kiệt.  **2. Tác phẩm**  **a. Xuất xứ**: ra đời năm 1077 – đánh quân Tống xâm lược.  **b. Thể loại:** Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật với 4 câu mỗi câu 7 chữ. Các câu 1, 2 và 4 hoặc chỉ có câu 2 và 4 là hiệp vần với nhau ở chữ cuối.  **c. Đề tài**  Được xem là bản **tuyên ngôn độc lập** đầu tiên của dân tộc, tuyên bố về chủ quyền lãnh thổ. |

**2.2 - Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS phát triển kĩ năng đọc VB thơ viết bằng chữ Hán. Nắm được nội dung, nghệ thuật nổi bật của bài thơ.

- HS nắm được tinh thần độc lập, khí thế hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc ta.

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc cá nhân, nhóm để tìm hiểu VB.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **NHIỆM VỤ 1:Những lí lẽ để khẳng định chủ quyền dân tộc**  - Giáo viên yêu cầu HS trả lời CH:  1. Chủ quyền được tuyên bố trên những cơ sở nào? Có sức thuyết phục không? Tại sao?  2. Thực hiện hoàn thành phiếu học tập.  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ trả lời và hoàn thành yêu cầu trên phiếu.  - Giáo viên nghe và nhận xét.  - Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | **Hai câu thơ đầu: Lời tuyên bố về chủ quyền của đất nước** | | | Dựa vào chú thích 1 hãy làm rõ nghĩa chữ *đế* trong *Nam đế cư* ? | - *Đế* : vua; *Vươn*g: vua; nhưng *đế* được coi là lớn hơn *vương*. Vậy chữ *đế* trong lời thơ có ý tôn vinh vua nước Nam, sánh ngang với các hoàng đế Trung Hoa. | | Nội dung của câu thơ 1 là gì? | Nước Nam là của vua Nam  *→ Đất nước đã có chủ, phân biệt và ngang hàng với Bắc đế.* | | Câu thơ 2 có nghĩa như thế nào . | **-***"Thiên thư" :* Tạo hoá - tự nhiên vĩnh hằng đã công nhận như vậy.  *→ Chân lý khách quan.*  Thuận thiên, hợp nhân là bất di bất dịch.  - Sự phân định địa phận, lãnh thổ nước nam trong sách trời | | ? Nhận xét về âm điệu của cả hai câu thơ.  ? Âm điệu đó có tác dụng gì trong việc diễn tả cảm xúc về chủ quyền? | - Âm điệu: 4 thanh trắc đều dùng dấu nặng trên cùng 1 dòng thơ  => Đanh thép, hùng hồn, diễn tả sự vững vàng của tư tưởng và niềm tin sắt đá vào chân lí. | | ? Người viết đã bộc lộ tình cảm gì trong lời thơ này . | - Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi**.**  - Tình cảm yêu vua, yêu nước, lòng tự hào dân tộc. |   **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trả lời miệng.  - Nhóm khác theo dõi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  *→*  Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **GV khắc sâu kiến thức:**  **- CH:** Nếu câu thơ đầu nhấn mạnh chân lý do con người quy định thì câu thơ thứ mang tính chất thần linh chủ nghĩa.  **Gv mở rộng, liên hệ với** *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi - tuyên ngôn độc lập thứ hai và *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh để thấy “NQSH” là tác phẩm có vai trò khơi mạch nguồn ý thức độc lập tự chủ, tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc và ý chí sắt đá quyết giữ vững nền độc lập DT.  *Gv liên hệ:* Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm .  **NHIỆM VỤ 2*: Ý chí bảo vệ chủ quyền của dân tộc***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI TẠI BÀN**  - Giáo viên đặt câu hỏi  *1/ Nhận xét về cách diễn đạt ở câu 3 ?*  *2/ Câu thơ 4 khẳng định điều gì? Có mối liên hệ như thế nào với 3 câu trên?*  *3/ Nhận xét về nhịp điệu, giọng thơ trong 2 câu cuối?*  - Học sinh tiếp nhận nghe và trả lời.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ câu trả lời.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ.  - Dự kiến sản phẩm:  1/ Câu 3 là một câu hỏi tu từ để làm tiền đề cho khẳng định ở câu 4. Câu hỏi thể hiện sự ngạc nhiên và tức giận về sự ngang ngược, tàn bạo của giặc.  2/ Câu 4 khẳng định sự thất bại đau đớn, thảm hại của kẻ đi xâm lược.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** HS trả lời.  - HS khác lắng nghe để bổ sung ý kiến.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, gợi dẫn:  ***\*Ý 1 câu 3: Mang hình thức của một câu hỏi tu từ, từng lời đều chất chứa sự ngạc nhiên, căm phẫn, khinh bỉ đến tột độ. Vậy cảm xúc ấy được thể hiện cụ thể như thế nào trong câu thơ thứ 3?***  + “Như hà”- nghĩa là “cớ sao”- làm sao->biểu thị sự ngạc nhiên trước hành động ngông cuồng, đi ngược lại chân lý, ý trời.  + “Nghịch” là trái ngược, phản lại ý trời, không tuân theo sự sắp đặt của tạo hóa.  + “Lỗ” – bọn mọi rợ-> biểu thị sự khinh miệt, căm phẫn.  + Xâm phạm – xâm lược nước ta.  -> chỉ đích danh hành động tàn ác của chúng. | **II/ Khám phá chi tiết văn bản**  **1. Hai câu đầu: Khẳng định chủ quyền dân tộc.**  **- Chủ quyền được tuyên bố dựa trên những cơ sở đầy thuyết phục:**  + ***Đất nước có biên giới, lãnh thổ:*** Sông núi nước Nam vua Nam ở. Đây là điều tất yếu, hiển nhiên, là bằng chứng thực tế không thể nào chối cãi. Vua Nam ở trên đất Nam, không xâm phạm bờ cõi của bất cứ quốc gia nào.  + ***Nước có vua trị vì, nước là của vua.*** Đây là căn nguyên, gốc rễ của tư tưởng « trung quân ái quốc » rất phổ biến thời trung đại.  ***+ Chủ quyền được ghi rõ trong sách trời.*** Đây là cơ sở cao nhất để khẳng định chủ quyền bởi Trời là đấng tối cao trong tín ngưỡng, tâm linh của người xưa.  => Chủ quyền được tác giả tuyên bố dựa trên những lí lẽ, cơ sở đầy sức thuyết phục.***Thuận thiên, hợp nhân là bất di bất dịch.*** Nó tồn tại như một chân lý khách quan không thể chối cãi, không thể không công nhận.  **- Cách tuyên bố chủ quyền:**  ***+ Cách sử dụng từ ngữ:***  ++ Cách xưng *Đế*. Đế là vua; *Vươn*g: vua; nhưng *đế* được coi là lớn hơn *vương*. Vậy chữ *đế* trong lời thơ có ý tôn vinh vua nước Nam, sánh ngang với các hoàng đế Trung Hoa.  =>Thể hiện niềm tự hào tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc.  ++ ***Tiệt nhiên:*** rõ rệt, rành rành  ++ ***Định phận:*** là định phần, phần nào ra phần đấy.  ++ ***Thiên thư:*** sách trời (ý nói tạo hóa)- niềm tin thiêng liêng, bất di bất dịch vào Trời- đấng tối cao.  => Từ ngữ chắc nịch, thể hiện thái độ đầy tự tin, chắc chắn của người nói khi đưa ra những chứng cớ đầy sức thuyết phục về chủ quyền dân tộc.  ***+******Âm hưởng, giọng điệu:***  **++** Câu 1: lặp hai lần chữ Nam – *Nam quốc, Nam đế* vừa có tác dụng nhấn mạnh, vừa thể hiện niềm tự hào của người nói.  ++ Câu 2: 4 thanh trắc đều dùng dấu nặng trên cùng 1 dòng thơ (câu 2), tạo sức nặng cho câu thơ, khẳng định chủ quyền dân tộc là bất di bất dịch, là tất yếu, hiển nhiên.  -> Giọng thơ mạnh mẽ, khỏe khoắn, chắc nịch, mang âm hưởng hào sảng, hùng hồn.  **\* Tóm lại: Hai câu thơ đầu với:**  - Lí lẽ, bằng chứng chắc chắn, đầy tự tin.  - Giọng điệu: Mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn diễn tả sự vững vàng của tư tưởng và niềm tin sắt đá vào chân lí.  *⇒ Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi.*  **2. Hai câu cuối: Ý chí bảo vệ chủ quyền của dân tộc**  **\*Câu 3:** **Phơi bày tội ác của giặc**  ***- Mang hình thức của một câu hỏi tu từ, từng lời đều chất chứa sự ngạc nhiên, căm phẫn, khinh bỉ đến tột độ.***  ***- Sắc thái ý nghĩa của câu hỏi tu từ:***  + Thể hiện sự ngạc nhiên vì chúng tự xưng là thiên triều nhưng lại dám làm trái mệnh trời.  + Thể hiện sự khinh bỉ: vì chúng tự xưng là nước có nền văn hiến hàng đầu, là Trung Hoa, tinh hoa của mọi dân tộc lại có hành động như kẻ mọi rợ, ỷ mạnh hiếp yếu.  **=>** Giọng thơ hùng hồn, lời thơ dõng dạc vừa tố cáo dã tâm xâm lược của bọn giặc ngông cuồng vừa bày tỏ thái độ căm phẫn, khinh miệt bọn xâm lược liều lĩnh, phi nghĩa.  **\*Câu 4 :** **Lời tuyên bố, cảnh cáo kẻ thù**  - Lời cảnh báo: khẳng định sự thất bại tất yếu của kẻ thù nếu chúng cố tình xâm lược nước ta. Qua đó:  + Khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ trước mọi kẻ thù xâm lược.  + Nêu ra chân lí thời đại: có áp bức – có đấu tranh.  - Cách cảnh báo:  + Lời lẽ, giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát, hùng hồn: cách ngắt nhịp 4/3; sử dụng động từ + tính từ mạnh: *thủ* - nhận lấy; *bại* - hỏng; *hư* - trống không, không còn gì.  + Gọi đích danh kẻ xâm lược và chỉ ra kết cục thê thảm mà chúng sẽ phải chuốc lấy.  => Không đưa ra câu trả lời trực tiếp cho câu hỏi được đặt ra ở câu thứ 3 mà báo trước cho chúng kết cục thê thảm, tất yếu của những kẻ cố tình đi ngược với ý trời, lòng người.  **3/ Thái độ, tình cảm của tác giả**  ***- Với non sông, đất nước:***  + Tự hào về độc lập chủ quyền của dân tộc.  + Lòng quyết tâm bằng mọi giá bảo vệ chủ quyền.  ***- Với kẻ thù xâm lược:*** Sự căm phẫn, khinh bỉ và quyết chiến đấu đánh bại mọi kẻ thù xâm lược. |

**2.3. Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS đánh giá tổng kết, rút ra được những điểm đặc sắc về nghệ thuật và nội dung VB.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân, HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên đặt câu hỏi  1. Nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ.  2.Khi đọc một bài thơ thể Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường Luật, đồng thời là một văn bản chính luận - Tuyên ngôn độc lập, theo em cần chú ý điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu 1: Học sinh hoạt động cá nhân  - Yêu cầu 2: HS thảo luận cặp đôi, trao đổi, thống nhất ý kiến.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Đại diện HS trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  GV có thể yêu cầu HS rút ra bài học cho thế hệ sau:  Nền độc lập dân tộc của chúng ta không dễ gì có được, vì ta phải quyết tâm giữ vững chủ quyền lãnh thổ đó. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngắt nhịp 4/3, giọng thơ dõng dạc, đanh thép.  - Lí lẽ sắc bén, đầy sức thuyết phục.  **2. Nội dung**  - Là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên.  - Khẳng định chủ quyền của đất nước.  - Niềm tự hào dân tộc: Tự hào về truyền thống đấu tranh giữ nước của ông cha ta.  - Tin tưởng vào sự bền vững của độc lập dân tộc.  **3. Cách đọc một bài thơ thể Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường Luật, đồng thời là một văn bản chính luận - Tuyên ngôn độc lập**  ***\* Bài thơ Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường Luật***  - Hiểu được nội dung cảm xúc trong bài thơ.  - Thấy được những nét đặc trưng thể thơ: niêm, luật, vần, ngắt nhịp.  - Bám sát nguyên bản khi muốn phân tích các yếu tố từ ngữ.  ***\* Văn bản chính luận – Tuyên ngôn độc lập***  - Nhận ra được *mạch lập luận chặt chẽ*, lí sẽ sắc bén, chứng cứ thuyết phục:  + Câu 1,2: Khẳng định chân lí tất yếu, khách quan, hợp lòng người, ý trời.  + Câu 3: Hành động trái với lòng người, ý trời.  + Câu 4: Hậu quả tất yếu của việc đi ngược lại chân lí, lẽ phải.   * Giọng điệu: mạnh mẽ, đanh thép, hào hùng. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3 - LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**:GiúpHS củng cố kiến thức bài học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức bài học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi: Ong non học việc**

**Câu 1.** Bài *Sông núi nước Nam* thường được gọi là gì?

A. Hồi kèn xung trận.

B. Áng thiên cổ hùng văn.

C. Khúc ca khải hoàn.

D. Bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên.

**Câu 2**. Bài *Sông núi nước Nam* được làm theo thể thơ

A. Thất ngôn bát cú.

B. Thất ngôn tứ tuyệt.

C. Ngũ ngôn.

D. Song thất lục bát.

**Câu 3.** Bài thơ được ra đời trong cuộc kháng chiến nào?

A. Ngô Quyền đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

B. Trần Quang Khải chống giặc Mông - Nguyên ở bến Chương Dương.

C. Lí Thường Kiệt chống quân Tống trên sông Như Nguyệt năm 1077

D. Quang Trung đại phá quân Thanh.

**Câu 4.** Bài thơ đã nêu bật nội dung gì*?*

A. Nước Nam là nước có chủ quyền và không một kẻ thù nào xâm phạm được.

B. Nước Nam là một đất nước văn hiến.

C. Nước Nam rộng lớn và hùng mạnh

D. Nước Nam có nhiều anh hùng sẽ đánh tan giặc ngoại xâm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh làm nhiệm vụ.

- Giáo viên quan sát, hỗ trợ HS.

- Dự kiến sản phẩm: câu trả lời của HS

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2B | 3C | 4A |

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

Câu trả lời củaHS.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

**4. HOẠT ĐỘNG 4 - VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học trình bày hiểu biết để thực hiện nhiệm vụ.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên:

*1/ Sống trong xã hội ngày nay em có suy nghĩ gì về những chiến công hiển hách của cha ông? Em thấy cần phải làm gì cho đất nước ?*

- Học sinh tiếp nhận.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Thực hiện theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài và làm bài tập.

- Chuẩn bị bài mới.

==================================================

**Tuần 10 Tiết 37, 38, 39**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).

- HS biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

- Đối với học sinh khuyết tật cần nhận biết được vấn đề trong đời sống( con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)

**2. Năng lực**

- Giao tiếp, hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập trước khi tới lớp.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức xây dựng mối quan hệ hòa thuận, thân thiện, hợp tác với mọi người trong cộng đồng; có tinh thần xây dựng và phát triển đất nước.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối, xác định được nội dung chính của bài học.

**b. Nội dung**: GV nêu vấn đáp, HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân, sau đó kết nối với nội dung của bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu hình ảnh cho HS quan sát và trả lời gợi mở suy nghĩ:

1) *Mỗi bức tranh sau đây gợi cho ta những vấn đề gì trong đời sống của chúng ta?*

*2) Ngoài những hoạt động được thể hiện ở trong bức tranh trên, em hãy kể thêm một số hoạt động của mọi người trong cuộc sống gắn liền với hoạt động của cộng đồng và đất nước?*

*3/ Theo ý kiến của em, chúng ta có thể sống tách biệt với cộng đồng và đất nước được hay không, vì sao?*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chiến dịch bảo vệ môi trường 'Biển Việt Nam xanh' |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và chia sẻ.

*Gợi ý:*

1/ Ba bức tranh đều nói đến những hoạt động của con người đối với cộng đồng và đất nước như thanh niên tình nguyện dọn sạch môi trường bãi biển, hiến máu nhân đạo cứu người và thanh niên tham gia nghĩa vụ quân sự bảo vệ đất nước.

2/ Một số hoạt động khác gắn với cộng đồng và đất nước là thực hiện hoạt động thiện nguyện giúp đỡ người nghèo những vùng đất chịu thiên tai; tham gia đi vào tuyến đầu chống dịch; tham gia cổ động phong trào tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng; tham gia các hoạt động công ích…

3/ Mỗi con người cần phải sống trong tổng hòa các mối quan hệ với với cộng đồng, với đất nước, như thế cuộc sống mới thực sự có ý nghĩa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần).

- GV quan sát, khuyến khích HS trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, bổ sung, kết luận, sau đó kết nối vào nội dung bài học: M*ỗi người chúng ta luôn có những mối quan hệ chặt chẽ với cộng đồng và đất nước. Qua những vấn đề cụ thể của đời sống xã hội, mối quan hệ này càng được thể hiện rõ ràng. Tuy nhiên, trước một vấn đề thì quan điểm và nhận thức của mọi người sẽ không giống nhau. Vì thế, bàn luận một cách thấu đáo về một vấn đề nào đó sẽ giúp cho người đọc thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng đất nước là điều rất cần thiết. Văn nghị luận sẽ giúp chúng ta thực hiện được mục tiêu trên. Tiết học hôm nay cô hướng dẫn các em viết một bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước. Mời các bạn mở sách giáo khoa trang 71 ra chúng ta cùng học bài mới.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**: HS tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài nghị luận; phân tích bài tham khảo và thực hành viết theo các bước.

**b. Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS chia sẻ nhóm đôi, nhóm lớn, tìm hiểu kiểu bài bằng việc điền vào phiếu học tập đã chuẩn bị.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và Phiếu HT số 1 đã điền đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**(PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO)**

Đọc bài viết: “*Hiểu biết về lịch sử* ” (SGK/tr.71, 72) và hoàn thành các thông tin sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| *Vấn đề nào được bàn trong bài nghị luận?* | ………………… |
| *Vấn đề ấy có tầm quan trọng như thế nào? Thể hiện qua những khía cạnh cơ bản nào?* | ………………… |
| *Lí lẽ và bằng chứng nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của vấn đề ?*  *+ Môn lịch sử cho ta biết những gì?*  *+ Hiểu biết về lịch sử có ý nghĩa gì?*  *+ Thực tế hiện nay có một số bạn trẻ có thái độ như thế nào đối với môn lịch sử ?*  *+ Nhiệm vụ của thể hệ trẻ hiện nay?* | ……………………………………… |
| *Cần có hành động gì sau khi nhận thức vấn đề ?* | …………………. |
| *Kết thúc bài viết, người viết đã làm gì?* |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**(PHIẾU TÌM Ý)**

**Nhiệm vụ:** *Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).*

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Gợi ý:** Đọc kĩ đề tài, ghi những ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ vào cột bên phải | |
| **Ý cần tìm** | **Trả lời** |
| Vấn đề đời sống được bàn luận. | … |
| Tầm quan trọng của vấn đề được thể hiện như thế nào đối với cộng đồng, đất nước? | … |
| Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy vấn đề đó là cần thiết cho đời sống chúng ta:  + Những lí lẽ nào cho thấy vấn đề đó là cần thiết cho đời sống mọi người?  + Những dẫn chứng nào để chứng minh vấn đề đó?  + Thực tế vấn đề đó có ý kiến trái chiều không? | … |
| Nhận thức, hành động của chúng ta đối với vấn đề trên? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV nêu một số câu hỏi cho HS giải đáp để làm rõ các yêu cầu cơ bản của bài văn nghị luận thể hiện ý kiến về một vấn đề đời sống:  *1) Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận? Vì sao nó được đề cập đến?*  *2)* *Ý kiến nào của người viết về vấn đề đời sống để thuyết phục người khác? Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ vấn đề đó là phù hợp?*  *3) Có sự phản hồi nào với các ý kiến khác?*  *4) Có cần nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận không?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào Sgk trang 71 để trình bày các yêu cầu; trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày và nêu những điều chưa rõ (nếu có). * Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần).   - GV quan sát, khuyến khích HS trả lời.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức về kiểu bài, chuyển dẫn sang mục 2. | - **Tầm quan trọng của vấn đề:** Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến.  - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lý lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  - Nếu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động. |
| **2. Phân tích bài viết tham khảo** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV cho HS đọc thầm bài tham khảo dùng PP đàm thoại để hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo theo từng khía cạnh, sau đó hoàn thành vào **Phiếu HT số 1**  *1) Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài nghị luận?*  *2)* *Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến: cần học kiến thức lịch sử - ý nghĩa của việc hiểu biết lịch sử?*  *3)* *Bằng chứng nào được nêu lên để củng cố cho lí lẽ?*  *6) Kết thúc bài viết, người viết đã làm gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát những chi tiết trong SGK.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm hiểu cách triển khai văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu, hướng dẫn HS trình bày.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt kiến thức, chuyển sang thực hành.  GV liên hệ:Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm .  *.* | **A. Mở bài:**  - Bài viết nêu vấn đề: *Tầm quan trọng của việc cần thiết phải hiểu biết về lịch sử.*  **B. Thân bài:**  Chứng minh vấn đề: *Ý nghĩa của việc hiểu biết về lịch sử:* Bồi đắp lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm của HS đối với cộng đồng.  **- Bằng chứng:**  + Tìm hiểu lịch sử, lật mở từng lớp trầm tích lặng lẽ để quá khứ cất lên tiếng nói đưa ta về với cội nguồn...  +Học lịch sử ta biết buổi bình minh của dân tộc nhà nước Văn Lang, Âu Lạc ra đời như thế nào.  + Giúp ta hình dung không khí oai hùng từ thuở Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo...đánh đuổi giặc ngoại xâm...  + Lịch sử làm sống dậy những sự kiện lớn lao giữa thế kỷ 20: chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến dịch Hồ Chí Minh...  + Nhờ lịch sử, ta mới biết dân tộc từng có thời điểm trải qua những giai đoạn tối tăm, đau thương.  **- Lí lẽ:**  **+** Khi có ý thức sâu xa về cội nguồn, hiểu biết về quá khứ, chúng ta sẽ biết cách hành động.  + Học lịch sử không chỉ cần nắm những trí thức mà còn rút ra bài học cho cuộc sống hôm nay.  + Học lịch sử để nhắc nhở chúng ta phát huy truyền thống oanh liệt của cha ông, tránh những sai lầm không đáng có.  - **Mặt trái hiện nay:** một số bạn trẻ không quan tâm đến lịch sử dân tộc, cụ thể:  + Cho rằng lịch sử là những gì thuộc về thời trước, không liên quan đến cuộc sống hiện nay.  + Không có nhu cầu về hiểu biết quá khứ đất nước.  + Nhầm lẫn các thời kỳ sự kiện nhân vật lịch sử.  + Lúng túng khi được hỏi về các nhân vật và sự kiện lịch sử nổi bật.  + **Hậu quả:** Thiếu hiểu biết về lịch sử, ảnh hưởng tiêu cực đến nhân cách của học sinh vì khi không hiểu biết thì sự mơ hồ, nhạt phai lòng yêu nước, thiếu trách nhiệm với cộng đồng với quốc gia.  - **Xác định nhiệm vụ của thế hệ trẻ:** phải hiểu biết lịch sử để bồi đắp lòng yêu nước.  **C. Kết bài:** Khẳng định nhận thức đúng đắn về vấn đề đưa ra và phương hướng hành động.  - Tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu..  - Gặp gỡ các nhân chứng… |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.  **b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.  **c. Sản phẩm:** HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Thực hành viết theo các bước** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.73 để xác định mục đích viết và lựa chọn đề tài:  *1) Trước khi viết,em cần xác định mục đích viết và người đọc sẽ là ai?*  *2) Đề tài được chọn cần thoả mãn các yêu cầu nào? Tham khảo gợi ý trong SGK hoặc tự mình lựa chọn đề tài thích hợp.*  ***Ví dụ trong sgk:***  - *Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện.*  *- Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*  *- Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội ở quê em.*  *- Trách nhiệm của con người đối với nơi mình sinh sống.*  ***Ví dụ ngoài sgk:***  - Vấn đề xếp hàng nơi công cộng của người Việt Nam.  - Học sinh với trang phục truyền thống của dân tộc mình.  - Văn hóa cảm ơn trong giao tiếp.  - Văn hóa xin lỗi trong giao tiếp.  - Hiện tượng hiệu ứng đám đông trong những vấn đề trên mạng xã hội.  \*GV hướng dẫn HS tìm ý. Trên cơ sở đề tài đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo Phiếu HT số 2.   |  |  | | --- | --- | | **\*Gợi ý:** Đọc kĩ đề tài, ghi những ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ vào cột bên phải: | | | **Ý cần tìm** | **Trả lời** | | Vấn đề đời sống được bàn luận: | … | | Tầm quan trọng của vấn đề được thể hiện như thế nào đối với cộng đồng, đất nước? | … | | Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy vấn đề đó là cần thiết cho đời sống chúng ta:  + Những lí lẽ nào cho thấy vấn đề đó là cần thiết cho đời sống mọi người?  + Những dẫn chứng nào để chứng minh vấn đề đó?  + Thực tế vấn đề đó có ý kiến trái chiều không? | … | | Nhận thức, hành động của chúng ta đối với vấn đề trên? |  |   \*GV hướng dẫn HS lập dàn ý:  *Em sẽ phân bổ các ý cho Mở bài, thân bài và kết bài như thế nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, đọc bài viết tham khảo. | **1. Trước khi viết**  **\*Xác định mục đích viết:**  - Làm rõ quan hệ giữa con người với cộng đồng, đất nước, từ đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với công việc chung.  **\*Người đọc:**  - Những người quan tâm đến vấn đề trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng, đất nước.  **a. Lựa chọn đề tài:**  - Đề tài được chọn phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết.  - Đề tài có ý nghĩa với con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước.  - VD: *Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*  **b. Tìm ý:**  **- Vấn đề đời sống được bàn luận:** Trách nhiệm của h*ọc sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*  **- Tầm quan trọng của vấn đề:**  + Tiếng việt là ngôn ngữ của một dân tộc nên cần được gìn giữ, trân trọng.  + Tiếng việt thể hiện bản sắc của dân tộc đó nên cần được gìn giữ, trân trọng.  **- Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy cần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.**  **+ Lí lẽ:**  ++ Mỗi quốc gia đều có tiếng nói riêng để tạo nên nét văn hóa độc đáo riêng.  ++ Tiếng việt đã được tồn tại qua chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, vì thế cần trân trọng.  ++ Tiếng việt giúp chúng ta xác định được bản sắc dân tộc của mỗi quốc gia.  ++ Cha ông ta đã hi sinh để bảo vệ sự tư do của ngôn ngữ Tiếng việt.  **+ Bằng chứng:**  ++ Mỗi khi được nói Tiếng việt, chúng ta đầy tự tin và tự hào.  ++ Bên cạnh sử dụng tiếng Anh quảng bá đất nước thì ta vẫn dùng Tiếng việt để tạo nét riêng.  ++ Nhiều tác phẩm văn học bằng Tiếng việt trở thành chuẩn mực văn chương như “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.  ++ Có những người đi xa, vẫn lưu giữ tiếng của dân tộc để hướng về nguồn cội.  - **Thực tế:** một số bạn trẻ vẫn chưa yêu quý Tiếng việt.  + Lạm dụng tiếng nước ngoài.  + Sử dụng Tiếng việt lệch chuẩn.  - **Nhận thức, hành động:**  + HS hãy có ý thức trân trọng tiếng nói đất nước mình.  + Có ý thức sử dụng Tiếng việt đúng, trong sáng.  + Vận dụng Tiếng việt để giao tiếp hiệu quả.  + Làm giàu Tiếng việt một cách phù hợp.  **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:** nêu vấn đề: Trách nhiệm của h*ọc sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*  **- Thân bài:**  + Khẳng định: Tiếng việt là ngôn ngữ của một dân tộc nên cần được gìn giữ, trân trọng. Tiếng việt thể hiện bản sắc của dân tộc đó nên cần được gìn giữ, trân trọng.  \*Ý 1: Vì sao lại có ý kiến như thế - Lí lẽ  \*Ý 2: Bằng chứng  \*Ý 3: Liên hệ, mở rộng vấn đề (thực tế ngày nay).  **- Kết bài:** Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK tr.20 và trả lời câu hỏi:  *?Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý cần viết từng phần như thế nào?*  \*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | **2. Viết bài**  **\*Lưu ý:**  - Triển khai đầy đủ các ý trong dàn bài.  - Sử dụng lý lẽ, bằng chứng phù hợp, thuyết phục.  - Giữa các câu trong đoạn, giữa các đoạn trong bài cần có sự liên kết chặt chẽ. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trả bài và cho HS nhắc lại yêu cầu chung về thể thức của kiểu bài và những lưu ý để viết được bài văn theo kiểu này.  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài để nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.  - Dựa vào bài làm, các em hãy chỉnh sửa theo yêu cầu gợi ý và hướng dẫn chỉnh sửa theo Phiếu trong SGK tr.20,21.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS quan sát văn bản đã viết của mình để chỉnh sửa theo bảng.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác khi chỉnh sửa văn bản để tự đánh giá mức độ hoàn thành (GV có thể yêu cầu HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. | **3. Trả bài và chỉnh sửa bài viết**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung rà soát** | **Hướng dẫn chỉnh sửa** | | Đã đúng cấu trúc và nội dung của dàn ý đưa ra hay chưa? | Nếu bài viết chưa đảm bảo thì điều chỉnh. | | Vấn đề đưa ra đã được bàn luận cụ thể, rõ ràng chưa? | Nếu chưa rõ ràng thì bổ sung cho đạt yêu cầu. | | Các luận điểm ở mỗi đoạn đã hợp lí chưa? Lí lẽ, bằng chứng đã thuyết phục chưa? | Nếu bài viết chưa đảm bảo thì bổ sung cho đầy đủ, thuyết phục. | |
| **BÀI VIẾT THAM KHẢO**  **Mở bài:** **Nêu vấn đề**  Cùng với quá trình hội nhập thế giới, sự giao thoa văn hóa xã hội đòi hỏi ngôn ngữ phải có những thay đổi để đáp ứng các nhu cầu giao tiếp mới. Những từ ngữ mới, cách diễn đạt mới được hình thành để thêm vào những khái niệm, ngữ nghĩa mà trong vốn tiếng Việt trước đó còn thiếu vắng. Cùng với mặt tích cực ấy, mặt tiêu cực cũng biểu hiện với không ít các cách nói, cách viết “khác lạ” trong giới trẻ làm mất đi hoàn toàn bản sắc vốn có của tiếng Việt. Vì thế chúng ta cần có trách nhiệm trong vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt  **Thân bài:**  **- Khẳng định tầm quan trọng của vấn đề:**  Tiếng việt là ngôn ngữ của một dân tộc nên cần được gìn giữ, trân trọng. Nếu dân tộc nào mất đi ngôn ngữ của mình thì đồng nghĩa với việc sẽ bị lãng quên và không có dấu ấn trong lịch sử.   * **Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy cần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.**   **+ Lí lẽ:**  *- Mỗi quốc gia đều có tiếng nói riêng để tạo nên nét văn hóa độc đáo riêng.* Người Việt nói tiếng Việt, người Trung Quốc nói tiếng Trung Quốc, người Anh nói ngôn ngữ nước Anh... Ngay cả trong một đất nước, mỗi dân tộc cũng đều có ngôn ngữ riêng của mình. Đó chính là nét độc đáo mà mỗi người cần trân trọng, giữ gìn.  - *Tiếng việt đã được tồn tại qua chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, vì thế cần trân trọng.* Ngay cả khi chúng ta chịu hơn 1000 năm Bắc thuộc với sự đồng hóa về văn hóa thì ngôn ngữ của dân tộc mình vẫn luôn được bảo vệ. Có những thời kỳ chúng ta phải học tiếng Hán, phải nói tiếng Hán nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta bị đồng hóa về mặt ngôn ngữ. Ngay cả khi thực dân Pháp biến nước ta thành thuộc địa với chính sách ngu dân nhưng tiếng nói của dân tộc vẫn luôn là một sợi chỉ đỏ níu giữ mỗi người hướng về nguồn gốc tiếng nói nước mình.  - Tiếng việt giúp chúng ta xác định được bản sắc dân tộc của mỗi quốc gia. Cha ông ta đã hi sinh để bảo vệ sự tư do của ngôn ngữ Tiếng việt. Những cuộc chiến đẫm máu để bảo vệ nên độc lập dân tộc cũng chính là cách gián tiếp để bảo vệ tiếng nói của nước mình.  **+ Bằng chứng:**  - Mỗi khi được nói Tiếng việt, chúng ta đầy tự tin và tự hào. Bên cạnh sử dụng tiếng Anh quảng bá đất nước thì ta vẫn dùng Tiếng việt để tạo nét riêng. Đối với các quốc gia khác thì Tiếng việt vẫn là một thứ tiếng độc đáo, thú vị cho nên có những người từ đất nước khác đến định cư ở Việt Nam, họ học nói tiếng Việt với một trái tim tin yêu. Đặc biệt đối với vấn đề quảng bá du lịch đất nước, bên cạnh sử dụng tiếng Anh phổ thông thì sử dụng ngôn ngữ của chính nước mình là một cách để tạo ấn tượng cho du khách nước ngoài.  - Mặc dù đất nước chúng ta bé nhỏ nhưng ngôn ngữ của chúng ta vẫn đi ra thế giới bằng những niềm tự hào bởi có những con người tài năng như Nguyễn Du với tác phẩm *Truyện Kiều* đã trở thành một chuẩn mực văn chương. Truyện Kiều đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Ngoài ra có những bộ phim, những tác phẩm nghệ thuật khác cũng đã mang tiếng Việt bay cao và bay xa.  *- Có những người đi xa, vẫn lưu giữ tiếng của dân tộc để hướng về nguồn cội.*  Ngày nay, khi thế giới phẳng, con người kết nối với nhau rất dễ dàng và những người Việt sinh sống, làm việc tại các nước trên thế giới vẫn có những cộng đồng riêng của người Việt, sử dụng tiếng Việt. Họ sinh con đẻ cái, họ vẫn dạy con tiếng nói mẹ đẻ, của đất nước mình để giúp con biết nguồn cội cũng như có tình yêu và niềm tự hào đối với tiếng nói của quê hương.  - **Thực tế:** một số bạn trẻ vẫn chưa yêu quý Tiếng việt.  Có nhiều bạn trẻ ngày nay lạm dụng tiếng nước ngoài thay vì sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, đúng chuẩn mực. Họ thích kết hợp giữa tiếng Việt với tiếng khác để tạo nên *đẳng cấp,* thể hiện bản thân trước người khác mà không biết rằng đó là sự lố bịch, lai căng. Đặc biệt ở thế hệ học sinh thì việc sử dụng tiếng Việt lệch chuẩn đang báo động. Những tin nhắn và ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày của học sinh khiến người lớn khó hiểu. Ví dụ:  - lm j đó? (Làm gì đó?)  - Đang bn. (Đang buồn)  - Vãi? (Trời ơi, ôi dào)  - Đi chơi k? (Đi chơi không?)  - No (không).  Việc cắt xén từ ngữ, nói lóng đã làm cho tiếng Việt trở nên tối nghĩa, ảnh hưởng đến chất lượng giao tiếp.  Tuy nhiên, giữ gìn tiếng mẹ đẻ không có nghĩa là bài trừ những ngôn ngữ khác mà cần sử dụng tiếng nước ngoài sao cho phù hợp, không được lạm dụng quá mức. Học sinh lấy dẫn chứng những tác phẩm tiếng việt nổi tiếng hoặc những con người, những hành động cao đẹp bảo vệ, quảng bá tiếng việt ra thế giới,… để làm ví dụ minh họa cho bài làm văn của mình.  - **Nhận thức, hành động:**  Mỗi một quốc gia có một nền văn hóa, một ngôn ngữ khác nhau, là công dân của quốc gia, mỗi người cần có ý thức giữ gìn, phát huy cũng như truyền bá văn hóa, ngôn ngữ của mình. HS hãy có ý thức trân trọng tiếng nói đất nước mình. Có ý thức sử dụng Tiếng việt đúng, trong sáng. Vận dụng Tiếng việt để giao tiếp hiệu quả. Làm giàu Tiếng việt một cách phù hợp.  **Kết bài: khẳng định lại vấn đề**  Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt là trách nhiệm của mỗi HS. Đó chính là một biểu hiện của tình yêu đất nước. | |

**4. HOẠT ĐỘNG 4 .VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** HS viết được một văn bản hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu nội dung của kiểu bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ:** *Xây dựng dàn ý cho đề bài: Trách nhiệm của HS đối với bảo vệ môi trường.*

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

+ Học bài, nắm chắc cách viết văn bản nghị luận xã hội.

+ Lưu trữ lại Phiếu học tập vào hồ sơ cá nhân.

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: *Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức, trách nhiệm với cộng đồng của học sinh).*

=============================================

**Tuần 10 Tiết 40**

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (Ý THỨC, TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG**

**CỦA HỌC SINH)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- HS biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

- Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

- HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến của bạn bè.

- Đối với học sinh khuyết tật nhận biết về vấn đề đời sống ở lứa tuổi của mình và có ý thức, trách nhiệm với cộng đồng.

**2. Năng lực**

- Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ.

- Phát huy năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe.

- Có tinh thần trách nhiệm đối với những vấn đề của đời sống xung quanh mình.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Quan sát tranh và chia sẻ**

**MỘT VẤN ĐỀ EM QUAN TÂM**



**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS quan sát tranh và nêu câu hỏi:

1/ *Hãy nêu vấn đề mà bức tranh đề cập? Đó có phải là những vấn đề cần thiết, nổi cộm trong cộng đồng hiện nay hay không?*

*2/ Theo em, ngoài những vấn đề trên, có thể kể thêm một số vấn đề gì nữa trong lứa tuổi học sinh?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời ghi ra giấy.
* GV quan sát, động viên, gợi dẫn.

**Dự kiến sản phẩm**

**Câu 1**

- Tranh 1: Văn hóa đúng giờ.

- Tranh 2: HS với vấn đề an toàn giao thông.

- Tranh 3: Suy nghĩ, tự giác/áp lực trong học tập.

**Câu 2:** *Một số vấn đề : nghiền game, nghiện Facebook, hiện tượng sống ảo, ảnh hưởng từ các tệ nạn xã hội, thái độ đối với công trình công cộng…*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV khích lệ một số HS trình bày, chia sẻ nhanh bằng ngôn ngữ nói, HS khác lắng nghe.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét phần trình bày của HS và dẫn dắt vào nội dung tiết học: *Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội vì vậy mỗi vấn đề trong cuộc sống đều ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp lên mỗi người. Trước những vấn đề đó, mọi người sẽ có những nhận thức và quan điểm không giống nhau. Vì vậy việc chia sẻ quan điểm, lắng nghe ý kiến, tổ chức bàn luận trao đổi là một hoạt động cần thiết để chúng ta có thể thấu hiểu nhau hơn, có thể nhìn nhận những vấn đề theo chiều hướng phù hợp. Hôm nay, cô sẽ giúp các em có được những kinh nghiệm để trình bày những vấn đề trong cuộc sống, qua đó nâng cao khả năng giao tiếp cũng như nhìn nhận được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng đất nước.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được các yêu cầu trước khi nói; trình bày và trao đổi được về bài nói.

**b. Nội dung**: HS xác định mục đích, trình bày nội dung bài nói và lắng nghe, trao đổi với bạn về bài nói của mình.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu; thái độ lắng nghe tích cực của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**BẢNG KIỂM**

(*Đọc kĩ dàn ý bài nói, đánh dấu (x) vào ý có xuất hiện hoặc không xuất hiện, sau đó điều chỉnh, hoàn thiện dàn ý trước khi nói*)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các ý quan trọng | Có xuất hiện | Không xuất hiện |
| *1. Nêu được vấn đề trong đời sống có phù hợp lứa tuổi.* |  |  |
| *2. Chỉ ra được thực trạng của vấn đề.* |  |  |
| *3. Nêu nguyên nhân.* |  |  |
| *4. Tác động của vấn đề (lợi ích/tác hại; mặt tốt/ mặt xấu)* |  |  |
| *5. Rút ra bài học (nhận thức và hành động.)* |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm.....** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Mức độ** | | |
| **Chưa đạt (0 điểm)** | **Đạt (1 điểm)** | **Tốt (2 điểm)** |
| **1. Thể hiện ý kiến của người nói về một vấn đề trong đời sống phù hợp lứa tuổi** | *Chưa thể hiện* được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sốngphù hợp lứa tuổi. | *Thể hiện được* ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống phù hợp lứa tuổi. | *Thể hiện được* ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống phù hợp lứa tuổi một cách *rõ ràng, ấn tượng.* |
| **2. Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng** | *Chưa đưa* ra được các *lí lẽ và bằng chứng* phù hợp với vấn đề bàn luận. | *Đưa ra được* các *lí lẽ và bằng chứng* phù hợp với vấn đề bàn luận. | *Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, sâu sắc,* tiêu biểu, phù hợp với vấn đề bàn luận. |
| **3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm** | *Nói nhỏ,* khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. | *Nói rõ,* nhưng *đôi chỗ lặp lại* hoặc ngập ngừng một vài câu. | *Nói rõ, truyền cảm*; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. |
| **4. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp** | *Điệu bộ thiếu tự tin,* chưa có sự tương tác (ánh mắt, cử chỉ,…) với người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp với nội dung. | *Điệu bộ tự tin, có sự tương tác* (ánh mắt, cử chỉ,…) với người nghe; nét mặt biểu cảm khá phù hợp với nội dung. | *Điệu bộ rất tự tin, có sự tương tác tích cực* (ánh mắt, cử chỉ,…) với người nghe; nét mặt biểu cảm rất phù hợp với nội dung. |
| **5. Trao đổi với người nghe** | *Chưa trao đổi được với người nghe* về một vấn đề đời sốngphù hợp lứa tuổi. | *Trao đổi được với người nghe* một số nội dung cơ bản của về một vấn đề đời sốngphù hợp lứa tuổi.. | *Trao đổi thuyết phục* về các nội dung mà người nghe đặt ra. |
| **Tổng: ......./10 điểm** | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **1. Trước khi thảo luận** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Trước khi nói, GV cho HS trả lời các câu hỏi sau:  *1) Bài nói nhằm mục đích gì? Người nghe là ai?*  *2) Xác định đề tài/vấn đề em quan tâm trao đổi.*  *3) Em chọn không gian nào để thực hiện/trình bày bài nói? Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?*  *5) Để có tư liệu cho bài nói, em cần thu thập thông tin từ những nguồn nào?*  *7) Để ghi ngắn gọn một số ý quan trọng, em cần trả lời các câu hỏi nào?*  (Sử dụng Bảng kiểm để kiểm tra dàn ý cấu trúc của bài nói)  *8) Em cần dự kiến trao đổi các nội dung nào mà người nghe có thể thắc mắc, phản hồi.*  *9) Cuối cùng, em hãy lập dàn ý cho bài nói của mình. Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.*  *GV liên hệ:* về vấn đề ATGT đối với học sinh, sinh viên.  **1.2.** **Luyện tập**  - GV yêu cầu HS tập trình bày theo nhóm (nhóm đôi hoặc 3-4 em, mỗi HS trình bày trong 5 phút).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, lần lượt thực hiện các bước theo yêu cầu của GV.  - HS khác nghe, góp ý.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói vào trong vở; tập trình bày bài nói trước nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1.1. Chuẩn bị**  **a. Xác định mục đích thảo luận và người nghe**  - **Mục đích thảo luận:** Để những người tham gia thảo luận cùng hiểu đúng bản chất của vấn đề, tạo được sự đồng thuận, từ đó có thái độ và hành động phù hợp.  - **Người nghe:** Các thành viên tham gia cuộc thảo luận và những người tham dự buổi thảo luận do muốn hiểu thêm về vấn đề.  **b. Chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận**  **Bước 1:** **Xác định đề tài/vấn đề,** người nghe, mục đích, người nghe không gian và thời gian thực hiện/trình bày bài nói. (SGK, tr.75-76).  **- Đề bài:** Từ thực tế cuộc sống, dưới góc nhìn của mình, hãy cùng nhau trao đổi, thống nhất chọn một vấn đề trong đời sống phù hợp lứa tuổi, được nhiều người quan tâm.  Có thể lựa chọn một trong những vấn đề sau:  *- Học sinh có cần quan tâm đến những vấn đề lớn lao của đất nước?*  *- Học sinh có trách nhiệm như thế nào với vấn đề trật tự an toàn giao thông?*  *- Học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn tiếng nói của dân tộc?*  **- Bước 2:** Thu thập tư liệu.  Mỗi cá nhân tự tìm hiểu tham khảo thêm những tài liệu liên quan, ghi chép nhanh các ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ để chuẩn bị phát biểu ý kiến thảo luận.  **\*Dàn ý cơ bản:** *Học sinh có trách nhiệm như thế nào với vấn đề trật tự an toàn giao thông?*  **Mở bài**  - Nêu vấn đề: ATGT là vấn đề đáng quan tâm hiện nay,đặc biệt lứa tuổi HS tham gia GT cũng rất đáng lo ngại.  **Thân bài**  **Ý 1: Luận điểm 1: Thực trạng giao thông**  **Lí lẽ:** Tình trạng giao thông hiện nay vô cùng đáng lo ngại. Tình trạng giao thông hiện nay thực sự khiến chúng ta bàng hoàng.  **Dẫn chứng**: Theo thống kê của Ủy ban An toàn giao thông quốc gia cho biết : năm 2012 cả nước xảy ra 11.450 vụ tai nạn giao thông làm 6.384 người chết và 7.804 người bị thương  **Ý 2 – Luận điểm 2 - Nguyên nhân**  - Do ý thức HS chưa chấp hành tốt luật lệ giao thông.  - Do cơ sở hạ tầng giao thông còn nghèo nàn chưa đảm bảo an toàn  - Do tình trạng giới trẻ đua xe, lạng lách, đánh võng …  - Do trách nhiệm của gia đình, nhà trường quản lí con cái chưa tốt dẫn tới nhiều bạn trẻ có suy nghĩ lệch lạc, coi thường an toàn giao thông.  **Ý 3: Luận điểm 3 – Hậu quả mất ATGT**  - Thiệt hại về người và của  - Để lại nỗi đau tinh thần và thể xác  - Làm ảnh hưởng đến tâm lí số đông tham gia GT.  - Trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội.  **Ý 4: Luận điểm 4 – Giải pháp**  - Mọi người đặc biệt là học sinh cần có ý thức chấp hành tốt quy định của nhà nước khi tham gia giao thông.  - Khắc phục các cơ sở hạ tầng giao thông kém chất lượng.  - Xử lý nghiêm khắc những người và học sinh vi phạm khi tham gia giao.  - Gia đình cần quản lý chặt chẽ việc con cái sử dụng phương tiện giao thông.  - Nhà trường cần tổ chức tuyên truyền về hiểu biết và nhận thức của học sinh khi tham gia giao thông.  *KB:* Chúng ta hãy tự mình chấp hành tốt luật lệ giao thông để không chỉ bảo vệ bản thân mà còn là bảo vệ an toàn chung cho tất cả mọi người.  **- Bước 3:** Lựa chọn người điều hành và thư kí ghi chép nội dung thảo luận.  *+ Nêu vấn đề và biểu hiện của vấn đề;*  *+ Nguyên nhân;*  *+ Tác động: Lợi ích/tác hại; mặt tốt/mặt xấu;*  *+ Bài học: Nhận thức và hành động.*  **- Bước 4:** Dự kiến trao đổi các nội dung mà người nghe phản hồi.  **1.2.** **Luyện tập**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ: Tập trình bày, lắng nghe nhận xét góp ý và hoàn thiện bài nói. | |
| **2. Thảo luận** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tiến hành:  1) Chia lớp thành 04 nhóm, các nhóm theo dõi, chấm chéo nhau vào Phiếu đánh giá theo tiêu chí.  2) Mời đại diện nhóm lên trình bày trước lớp (Lưu ý: HS cần tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như: *sử dụng ngữ điệu, cử chỉ điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo nên sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài nói*).  3) Yêu cầu HS khác tập trung lắng nghe để tóm tắt nội dung của bài trình bày và dự kiến một số vấn đề sẽ trao đổi, thảo luận với người nói.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện HS các nhóm lên trình bày trước lớp.  - Các nhóm HS khác lắng nghe, ghi chép, góp ý, dự kiến nội dung cần góp ý, trao đổi.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện HS trình bày bài nói; * HS khác nêu vấn đề cần trao đổi.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **Một số lưu ý**  - Người điều hành nhắc lại đề tài, nêu định hướng và mục đích thảo luận.  - Lần lượt mời các thành viên trong lớp hoặc trong nhóm phát biểu ý kiến. Ý kiến thì cần tập trung vào trọng tâm vấn đề phân tích từng khía cạnh có lý lẽ và bằng chứng thuyết phục.  - Người phát biểu sau có thể bàn luận về vấn đề theo góc nhìn riêng tán thành hoặc phản đối ý kiến của người phát biểu trước, trên cơ sở đó khẳng định quan điểm của mình.  - Các thành viên tham gia thảo luận tập trung nắm rõ nội dung chính mà nhóm đã trao đổi và trình bày lại được nội dung ý kiến đó.  - Thư ký thực hiện ghi chép có ý kiến sau đó người điều hành tổng hợp kết luận vấn đề. |
| **3. Đánh giá** | | |
| - GV yêu cầu HS trao đổi về bài nói theo các gợi ý trong SGK, tr.32;  - GV cho các nhóm HS thảo luận và hoàn thiện PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ; BẢNG KIỂM  - HS nêu thắc mắc hoặc những điều cần trao đổi lại.  - GV tổng kết, nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm. | **- Người nghe:** Trao đổi về bài nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng;  **- Người nói:** lắng nghe, phản hồi những ý kiến trên tinh thần cầu thị.  **Một số vấn đề cần bàn luận, trao đổi bên cạnh bảng kiểm và phiếu đánh giá:**   |  |  | | --- | --- | | Vấn đề thảo luận có thực sự có ý nghĩa không? Có tác động gì đến nhận thức của bản thân? | **………..** | | Có ý kiến phát biểu đã tập trung vào trọng tâm của vấn đề chưa? Có tác dụng làm sáng tỏ vấn đề như thế nào? | **………..** | | Các thành viên tương tác với nhau ở mức độ nào? Có thể hiện thái độ tôn trọng học hỏi nhau trong thảo luận không? | **………..** | | Người điều hành và thư ký đã thể hiện đúng vai trò của mình chưa? | **………..** | | |

**BÀI NÓI THAM KHẢO**

**1) Chào hỏi, giới thiệu vấn đề sẽ nói:**

Xin chào Thầy /Cô và các bạn. Em tên là......................, học lớp......., trường.................

Sau đây em xin trình bày *(Giọng tâm tình, vừa phải):*

**2)** **Thuyết trình nội dung chính:** *(Nói to, rõ ràng; giọng truyền cảm...*)

**3)** **Kết thúc bài nói**: *(Giọng lắng lại, tha thiết)* Các bạn thân mến!

Cảm ơn Thầy/Cô và các bạn đã lắng nghe bài của em. Rất mong nhận được những góp ý và chia sẻ từ mọi người. Em xin chân thành cảm ơn!

***Bài nói mẫu tham khảo:***

**Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh).**

**Vai trò của tuổi trẻ đối với đất nước**

Kính chào thầy cô và các bạn. Em tên là…………học sinh………trường………

Trong cuộc sống hằng ngày, ai cũng biết rằng tuổi trẻ là một thành phần, yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến tương lai đất nước, vì thế mà Bác đã căn dặn: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước đến đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần ở công học tập của các em”. Chúng ta cùng tìm hiểu vai trò, trách nhiệm của thế hệ trẻ ngay nay với tương lai đất nước dân tộc.

Tuổi trẻ là những công dân ở lứa thành niên, thanh niên… là thế hệ măng đã sắp thành tre, là người đã đủ điều kiện, đủ ý thức để nhận biết vai trò của mình đối với bản thân, xã hội. Tuổi trẻ của mỗi thời đại là niềm tự hào dân tộc, là lớp người tiên phong trong công cuộc xây dựng, đổi mới, phát triển đất nước.

Tương lai đất nước là vận mệnh, là số phận của đất nước mà mỗi công dân sẽ góp phần xây dựng, phát triển, trong đó quan trọng nhất là thế hệ trẻ.

Thế kỉ 21, thế kỉ của sự phát triển, không ngừng nâng cao trình độ văn hoá kinh tế, đất nước. Để có thể bắt kịp đà phát triển của những nước lớn mạnh thì đòi hỏi sự chung sức đồng lòng của tất cả mọi người mà lực lượng chủ yếu là tuổi trẻ. Bởi đó là lực lượng nòng cốt, là chủ nhân tương lai, là nhân vật chính góp phần tạo nên cái thế, cái dáng đứng cho non sông Tổ quốc.

Tuổi trẻ hôm nay là tôi, là bạn, là những anh chị đang có mặt trên giảng đường đại học, đang hoạt động bằng cả tâm huyết để cống hiến sức trẻ với những đam mê cùng lòng nhiệt tình bốc lửa. Tuổi trẻ tốt thì xã hội tốt, còn xã hội tốt sẽ tạo điều kiện cho tầng lớp trẻ phát triển toàn diện, sinh ra những người con có ích cho đất nước, đó là điều tất yếu, hiển nhiên mà ai cũng biết.

Mỗi người chúng ta cũng đi qua thời tuổi trẻ – tuổi của sức mạnh phi thường, của cái tuổi không chịu khuất phục trước khó khăn và sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn. Sức mạnh vô song của tuổi trẻ *“sông kia phải chuyển, núi kia phải dời”*. Chúng ta chỉ có một lần trong đời là tuổi trẻ vì vậy cần phải nắm bắt, cần đóng góp sức lực cho đất nước.

Việc xây dựng đất nước là trách nhiệm của mọi người, mọi công dân chứ không phải của riêng ai. Nhưng với số lượng đông đảo hàng chục triệu người thì lẽ nào tuổi trẻ lại không thể xây dựng đất nước. Chẳng lẽ chúng ta để cho những cụ già đi khuân vác, lao động nặng, những phụ nữ phải ngày đêm làm việc trong các nhà xưởng đầy khói bụi, những trẻ em phải phụ giúp gia đình ngay còn nhỏ mà “quên” đi việc học hành, lúc đó chúng ta sẽ “làm” gì? Chẳng lẽ ngồi không như một “người bị liệt”. Vì vậy chúng ta phải cố gắng xây dựng đất nước như lời dặn của Bác: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, thì Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Sinh ra ở đời ai cũng khao khát được sống hạnh phúc, sung sướng. Mỗi người luôn tìm cho mình một lẽ sống hay nói đúng hơn là lý tưởng sống. Là chủ nhân tương lai thì chúng ta phải xác định cho mình lý tưởng sống phù hợp, đúng đắn. Trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá như hiện nay thì tuổi trẻ chúng ta lại đứng trước một câu hỏi lớn: “Sống như thế nào là đúng đắn là có ích cho xã hội?”. Vì lý tưởng sống của chúng ta là động lực thúc đẩy đất nước phát triển.

Và thời nào cũng vậy, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại khó. Điều đó đã được thể hiện rất rõ trong thời kì kháng chiến. Những người con đất nước như: Kim Đồng, Võ Thị Sáu, Lê Văn Tám… đã hiến dâng cả tuổi trẻ của mình cho Tổ quốc. Đây là những thanh niên của hơn 40 năm trước còn lớp thanh niên ngày nay thì sao?

Vâng. Cách bạn ạ! Chúng ta nên biết một điều: những thế hệ trước đã dâng hiến xương máu để ngày sau độc lập thì chúng ta phải biết “cùng nhau giữ nước” và nối tiếp, kế thừa truyền thống cao đẹp đó. Và một điều quan trọng là các bạn đừng nghĩ đó là nghĩa vụ để rồi miễn cưỡng thực hiện. Chúng ta phải hiểu rằng: được sinh ra là một hạnh phúc và sống tự do, no đủ là một món quà quý báu, vô giá mà quê hương xã hội đã ban tặng. Hạnh phúc không tự nhiên mà có mà đó xương máu, tâm huyết của biết bao người con của đất nước. Mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh lịch sử mà thanh niên nuôi dưỡng những ước vọng, suy nghĩ riêng. Chúng ta không được bác bỏ, phủ nhận quá khứ hay công sức của những anh hùng dân tộc. Đơn giản là vì mỗi thế hệ đều có sứ mệnh riêng, nhận thức riêng mà chúng ta không nên so bì, tính toán. Vì vậy: “Không có chuyện lớp trẻ ngày nay quay lưng với quá khứ” (như tổng bí thư Đỗ Mười nói).

Nhưng tuổi trẻ chúng ta có điều kiện gì để xây dựng đất nước? Vâng, đó chính là học tập. Nói đến tuổi trẻ hôm nay là nói đến việc học hành… Trong cuộc sống ta gặp không ít trường hợp xem việc học là việc khổ sai chỉ do cha mẹ, thầy cô thúc ép, chứ không ham học. Họ xem đi học như một hình thức giải khuây cho vui nên không cần học tập, coi học tập là một nỗi nhọc nhằn. Có người lại coi việc học là để ứng phó với đời, để không xấu hổ với mọi người, để có “bằng cấp” mà hãnh diện với đời, dù đó chỉ là “hàng giả” mà thực lực không làm được. Chúng chẳng những không đưa nước ta “sánh kịp với cường quốc năm châu” mà còn đưa nước ta về lạc hậu, lụi bại.

Cách duy nhất là phải học chân chính, học bằng khả năng của mình. Bước vào thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì ai nắm được tri thức thì mới có thể xây dựng đất nước, lèo lái chiếc thuyền số phận của non sông Tổ quốc. Và nhiệm vụ của chúng ta phải học, học nữa, học mãi. Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để chúng ta dễ dàng tiếp cận tri thức thì tương lai dân tộc mới xán lạn, lấp lánh hào quang.

Tóm lại, tuổi trẻ là người sẽ quyết định tương lai đất nước sau này. Tuổi trẻ nước ta đầy rẫy nhân tài sẽ góp phần cho dáng hình xứ sở. Ngay từ hôm nay, tôi, bạn và tất cả mọi người phải cố gắng học tập để sau này có thể giúp nước ta tiến nhanh trên con đường xây dựng và phát triển nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh.

Trên đây là bài trình bày của em về trách nhiệm của học sinh với quê hương đất nước, cảm ơn thầy/cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy/cô và các bạn.

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức của bài học thông qua việc đánh giá bài nói theo bảng kiểm.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân hoàn thành nhiệm vụ của GV giao.

**c. Sản phẩm:** Bài nói hoàn thiện sau chỉnh sửa của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** Giáo viên giao bài tập cho HS: Căn cứ vào Bảng kiểm, tự hoàn thiện bài nói của em (nếu cần).

- HS hoàn thiện bài nói của mình.

- GV hướng dẫn HS hoàn thiện (nếu cần) và yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**-** HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**-** GV nhận xét bài làm, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao bài tập về nhà

BÀI TẬP: *Mỗi cá nhân lập dàn ý chi tiết cho đề tài:*

*Trách nhiệm của mọi người đối với công trình công cộng.*

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo bảng kiểm, bảng đánh giá và góp ý của thầy cô bạn bè;
* Chuẩn bị trước ở nhà nội dung các bài tập củng cố, mở rộng SGK, tr.75,76.

*==========================================*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ trưởng kí duyệt** | **Giáo viên** |

**Nguyễn Thị Hoè**